

**UBND TỈNH BẮC GIANG  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

---

**THỦ TỤC  
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC  
MẦM NON**

*Bắc Giang, tháng 8 năm 2017*

## **1. Trình tự thực hiện**

**Bước 1.** Trường mầm non gửi hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài tới Phòng Giáo dục và Đào tạo.

**Bước 2.** Phòng Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, thẩm định hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài của trường mầm non; thông báo bằng văn bản cho trường mầm non biết hồ sơ được chấp nhận hoặc yêu cầu tiếp tục hoàn thiện; chuyển hồ sơ đã được chấp nhận về Sở Giáo dục và Đào tạo qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở:

- Địa chỉ: Trung tâm Hành chính công, khu liên cơ quan, Quảng trường 3/2 TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang;

- Điện thoại: 0204 3662006.

- Thời gian: Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.**Bước 3.** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả viết phiếu hẹn, chuyển hồ sơ qua phòng chuyên môn thụ lý. Phòng chuyên môn thẩm định, tham mưu lãnh đạo Sở ký văn bản thông báo cho Phòng Giáo dục và Đào tạo biết hồ sơ được chấp nhận hoặc yêu cầu tiếp tục hoàn thiện. Đối với các hồ sơ đã được chấp nhận, phòng chuyên môn tham mưu lãnh đạo Sở thành lập đoàn đánh giá ngoài trường mầm non.

**Bước 4.** Đoàn đánh giá ngoài thực hiện đánh giá ngoài trường mầm non theo quy định. Xây dựng dự thảo báo cáo đánh giá ngoài gửi cho trường mầm non được đánh giá ngoài để tham khảo ý kiến. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được dự thảo báo cáo đánh giá ngoài, nếu trường mầm non không có ý kiến phản hồi thì xem như đã đồng ý.

**Bước 5.** Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến phản hồi của trường mầm non được đánh giá ngoài, đoàn đánh giá ngoài có văn bản thông báo cho trường mầm non biết những ý kiến tiếp thu hoặc bảo lưu. Trường hợp bảo lưu ý kiến, đoàn đánh giá ngoài phải nêu rõ lý do.

**Bước 6.** Báo cáo đánh giá ngoài chính thức được đăng tải trên website Sở Giáo dục và Đào tạo (tại địa chỉ: [dgn.bacgiang.edu.vn](http://dgn.bacgiang.edu.vn)).

**Bước 7.** Căn cứ kết quả đánh giá ngoài, trong thời hạn 20 ngày làm việc, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ra quyết định cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục cho trường mầm non. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục của trường mầm non được công bố công khai trên website của Sở Giáo dục và Đào tạo.

**Bước 8.** Trường mầm non nhận kết quả qua đường bưu điện hoặc Phòng Giáo dục và Đào tạo cử đại diện xuất trình phiếu hẹn, nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở GD&ĐT.

Thời gian: Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

## **2. Cách thức thực hiện**

Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Giáo dục và Đào tạo.

## **3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

### **a) Thành phần hồ sơ:**

- Công văn đăng ký đánh giá ngoài;
- Báo cáo tự đánh giá (2 bản).

### **b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).**

## **4. Thời hạn giải quyết**



40 ngày làm việc kể từ khi dự thảo báo cáo đánh giá ngoài được gửi đến trường mầm non để lấy ý kiến phản hồi.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**

Trường mầm non.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Giáo dục và Đào tạo.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giáo dục và Đào tạo.
- Cơ quan phối hợp: Phòng Giáo dục và Đào tạo.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**

Giấy chứng nhận chất lượng giáo dục.

**8. Lệ phí (nếu có)**

Không.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có)**

Không.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)**

- Trường mầm non thực hiện tự đánh giá khi có đủ các điều kiện thành lập và hoạt động giáo dục theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.
- Trường mầm non được đăng ký đánh giá ngoài khi có đủ các điều kiện sau:
  - + Hoạt động giáo dục ít nhất 3 năm;
  - + Kết quả tự đánh giá của nhà trường đạt từ cấp độ 1 trở lên theo quy định tại Điều 22 của Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục của trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 25/2014/TT-BGDĐT ngày 07/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*(Điều 12 Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục của trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 25/2014/TT-BGDĐT ngày 07/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Thông tư số 25/2014/TT-BGDĐT ngày 07/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục của trường mầm non.



Số: 01/MNPS  
V/v đăng ký đánh giá ngoài

Phúc Sơn, ngày 04 tháng 10 năm 2016

Kính gửi:

- Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo Tân Yên.

Căn cứ Thông tư 25/2014/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non;

Căn cứ Công văn số 978/SGDĐT-KTKĐCL ngày 06/9/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang về việc hướng dẫn nhiệm vụ khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục năm học 2016 - 2017,

Trường MN Phúc Sơn đã tiến hành tự đánh giá và hoàn thành tại thời điểm tháng 12 năm 2016, cụ thể như sau:

**1. Những thông tin cơ bản**

- Tên trường: Trường Mầm non Phúc Sơn.
- Địa chỉ: Thôn Lữ Vân, xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
- Điện thoại: 097 534 7480
- E-mail: [c0phucsonty@bacgiang.edu.vn](mailto:c0phucsonty@bacgiang.edu.vn)
- Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Thúy.

**2. Kết quả tự đánh giá**

- \* Chỉ số đạt:  $85/87=97,7\%$ ; Chỉ số không đạt:  $2/87=2,3\%$ .
- \* Tiêu chí đạt:  $28/29=96,6\%$ . Tiêu chí không đạt:  $1/29=3,4\%$ .
- \* Cấp độ đạt được: Cấp độ 3.

Trường MN Phúc Sơn đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo Tân Yên thẩm định hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài của nhà trường, báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang tổ chức đánh giá ngoài và công nhận chất lượng giáo dục đối với Trường MN Phúc Sơn năm học 2016 - 2017.

Trân trọng kính trình!

(Hồ sơ kèm theo gồm: 02 Báo cáo tự đánh giá, bảng mã hóa minh chứng, đĩa CD chứa dữ liệu).

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Bắc Giang;
- Phòng GD&ĐT Tân Yên;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Thúy



Số:107/GDĐT

Tân Yên, ngày 14 tháng 10 năm 2016

## **BÁO CÁO**

### **Thẩm định hồ sơ tự đánh giá trường ngoài của trường Mầm non Phúc sơn năm học 2016 - 2017**

Căn cứ Thông tư 25/2014/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non;

Thực hiện Công văn số 978/SGDĐT-KTKĐCLGD ngày 06/9/2016 của Sở GD&ĐT Bắc Giang về việc Hướng dẫn nhiệm vụ khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục năm học 2016 - 2017;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng trường Mầm non Phúc Sơn tại Công văn số 01/ĐKĐGN-MNPS ngày 04 tháng 10 năm 2016 của trường Mầm non Phúc Sơn về việc đề nghị đăng ký đánh giá ngoài năm học 2016 - 2017

Phòng GD&ĐT Tân Yên đã thẩm định Hồ sơ đánh giá ngoài của trường Mầm non Phúc Sơn theo Quyết định số 134/QĐ-GD&ĐT ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Trường phòng GD&ĐT Tân Yên. Kết quả thẩm định như sau:

#### **I. NHỮNG THÔNG TIN CƠ BẢN**

- Tên trường: Trường Mầm non Phúc Sơn.
- Địa chỉ: Thôn Lữ Vân, xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
- Điện thoại: 097 534 7480
- E-mail: [c0phucsonty@bacgiang.edu.vn](mailto:c0phucsonty@bacgiang.edu.vn)
- Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Thúy.

#### **II. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH**

##### **1. Hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài gồm có**

- Công văn đăng ký đánh giá ngoài;
- Báo cáo tự đánh giá (02 bản).

##### **2. Báo cáo tự đánh giá**

- Cấu trúc của Báo cáo trình bày theo đúng quy định của Thông tư 25/2014/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non.



- Phân cơ sở dữ liệu đủ 05 năm (từ năm học 2012-2012 đến năm học 2015 - 2016).

### 3. Kết quả

- Minh chứng: Nhà trường đã thu thập đầy đủ minh chứng phù hợp với từng nội hàm trong các tiêu chí và được mã hóa, sắp xếp gọn gàng khoa học.

- Kết quả tính đến thời điểm tháng 10/2016

\* Chỉ số đạt:  $85/87=97,7\%$ ; Chỉ số không đạt:  $2/87=2,3\%$ .

\* Tiêu chí đạt:  $28/29=96,6\%$ . Tiêu chí không đạt:  $1/29=3,4\%$ .

\* Cấp độ đạt được: Cấp độ 3.

Trên đây là báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài của trường Mầm non Phúc Sơn. Phòng GD&ĐT Tân Yên đề nghị Sở GD&ĐT Bắc Giang xem xét, tổ chức đánh giá ngoài và công nhận chất lượng giáo dục trường Mầm non Phúc Sơn trong năm học 2016 - 2017./.

#### Nơi nhận:

- Phòng KT&KDCLGD Bắc Giang (b/c);
- Trường MN Phúc Sơn (t/h);
- Lưu: HCTH, GDMN.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



**Đỗ Văn Chi**



**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN TÂN YÊN  
TRƯỜNG MẦM NON PHÚC SƠN**

## **BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**BẮC GIANG - 2016**

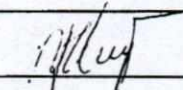
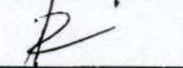
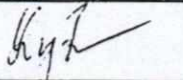
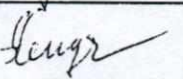
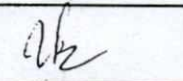
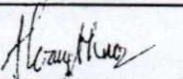
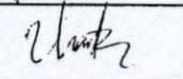
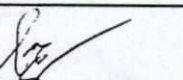
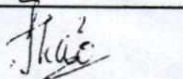


**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN TÂN YÊN  
TRƯỜNG MẦM NON PHÚC SƠN**

## **BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**BẮC GIANG – 2016**

## DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

| TT | Họ và tên            | Chức vụ     | Nhiệm vụ        | Chữ ký                                                                                |
|----|----------------------|-------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Nguyễn Thị Thúy      | Hiệu trưởng | Chủ tịch HĐ     |    |
| 2  | Thân Thị Tới         | Phó HT      | Phó Chủ tịch HĐ |    |
| 3  | Nguyễn Thị Quyên     | Phó HT      | Thành viên      |    |
| 4  | Lê Thị Quỳnh Nga     | Giáo viên   | Thành viên      |    |
| 5  | Ngô Thị Huyền        | Thư ký HĐ   | Thành viên      |    |
| 6  | Hoàng Thị Thảo       | Giáo viên   | Thành viên      |    |
| 7  | Nguyễn Thị Yên       | Giáo viên   | Thành viên      |    |
| 8  | Phạm Thị Phương Thúy | Giáo viên   | Thành viên      |   |
| 9  | Đỗ Thị Thảo          | Giáo viên   | Thành viên      |  |



## MỤC LỤC

| NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                           | Trang |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| Danh sách và chữ ký thành viên hội đồng tự đánh giá                                                                                                                                                                                                | 1     |
| Mục lục                                                                                                                                                                                                                                            |       |
| Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)                                                                                                                                                                                                                 | 7     |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá                                                                                                                                                                                                                  | 8     |
| <b>Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU</b>                                                                                                                                                                                                                       | 9     |
| 1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                       | 9     |
| 2. Số phòng học                                                                                                                                                                                                                                    | 10    |
| 3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên                                                                                                                                                                                                            | 10    |
| 4. Trẻ                                                                                                                                                                                                                                             | 11    |
| <b>Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>                                                                                                                                                                                                                        | 13    |
| <b>I. ĐẶT VẤN ĐỀ</b>                                                                                                                                                                                                                               | 13    |
| <b>II. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>                                                                                                                                                                                                                             | 16    |
| <b>Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường</b>                                                                                                                                                                                                 | 16    |
| Tiêu chí 1: Cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.                                                                                                                                                         | 17    |
| Tiêu chí 2: Lớp học, số trẻ, địa điểm trường theo quy định của Điều lệ trường mầm non.                                                                                                                                                             | 18    |
| Tiêu chí 3: Cơ cấu tổ chức và việc thực hiện nhiệm vụ của các tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.                                                                                                                | 19    |
| Tiêu chí 4: Chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục các cấp; bảo đảm Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường. | 21    |
| Tiêu chí 5: Quản lý hành chính, thực hiện các phong trào thi đua theo quy định.                                                                                                                                                                    | 23    |
| Tiêu chí 6: Quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên, trẻ và quản lý tài chính, đất đai, cơ sở vật chất theo                                                                                                           | 24    |

|                                                                                                                                               |    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| quy định.                                                                                                                                     |    |
| Tiêu chí 7: Bảo đảm an ninh trật tự, an toàn cho trẻ và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.                                                     | 26 |
| Tiêu chí 8: Tổ chức các hoạt động lễ hội, văn nghệ, vui chơi phù hợp với điều kiện địa phương.                                                | 28 |
| <b>Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ</b>                                                                              | 30 |
| Tiêu chí 1: Năng lực của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trong quá trình triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.          | 31 |
| Tiêu chí 2: Số lượng, trình độ đào tạo và yêu cầu về kiến thức của giáo viên.                                                                 | 33 |
| Tiêu chí 3: Kết quả đánh giá, xếp loại giáo viên và việc bảo đảm các quyền của giáo viên.                                                     | 34 |
| Tiêu chí 4: Số lượng, chất lượng và việc bảo đảm các chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhân viên của nhà trường.                             | 36 |
| Tiêu chí 5: Trẻ được tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và được bảo đảm quyền lợi theo quy định.                                          | 37 |
| <b>Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi</b>                                                                         | 39 |
| Tiêu chí 1: Diện tích, khuôn viên và các công trình của nhà trường theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.                                  | 40 |
| Tiêu chí 2: Sân, vườn và khu vực cho trẻ chơi bảo đảm yêu cầu.                                                                                | 41 |
| Tiêu chí 3: Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ và hiên chơi bảo đảm yêu cầu.                                                                    | 42 |
| Tiêu chí 4: Phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật, bếp ăn, nhà vệ sinh theo quy định.                                                           | 43 |
| Tiêu chí 5: Khối phòng hành chính quản trị bảo đảm yêu cầu.                                                                                   | 45 |
| Tiêu chí 6: Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo Tiêu chuẩn kỹ thuật Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non. | 46 |
| <b>Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội</b>                                                                              | 48 |
| Tiêu chí 1: Nhà trường chủ động phối hợp với cha mẹ trẻ để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.                            | 49 |
| Tiêu chí 2: Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa                  | 50 |



|                                                                                             |           |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| phương.                                                                                     |           |
| <b>Tiêu chuẩn 5: Kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ</b>                           | <b>52</b> |
| Tiêu chí 1: Trẻ có sự phát triển về thể chất phù hợp với độ tuổi.                           | 52        |
| Tiêu chí 2: Trẻ có sự phát triển về nhận thức phù hợp với độ tuổi.                          | 54        |
| Tiêu chí 3: Trẻ có sự phát triển về ngôn ngữ phù hợp với độ tuổi.                           | 56        |
| Tiêu chí 4: Trẻ có sự phát triển về thẩm mỹ phù hợp với độ tuổi.                            | 57        |
| Tiêu chí 5: Trẻ có sự phát triển về tình cảm và kỹ năng xã hội phù hợp với độ tuổi.         | 58        |
| Tiêu chí 6: Trẻ có ý thức về vệ sinh, môi trường và an toàn giao thông phù hợp với độ tuổi. | 60        |
| Tiêu chí 7: Trẻ được theo dõi và đánh giá thường xuyên.                                     | 61        |
| Tiêu chí 8: Trẻ suy dinh dưỡng, béo phì và trẻ khuyết tật được quan tâm chăm sóc.           | 62        |
| <b>III. KẾT LUẬN CHUNG</b>                                                                  |           |
| <b>Phần III. PHỤ LỤC</b>                                                                    |           |

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

| TT | Viết tắt | Chú thích                   |
|----|----------|-----------------------------|
| 1  | BGH      | Ban giám hiệu               |
| 2  | CBGV-NV  | Cán bộ giáo viên, nhân viên |
| 3  | CNTT     | Công nghệ thông tin         |
| 4  | CSTĐ     | Chiến sỹ thi đua            |
| 5  | CSVN     | Cơ sở vật chất              |
| 6  | GD&ĐT    | Giáo dục và đào tạo         |
| 7  | GDMN     | Giáo dục mầm non            |
| 8  | GVDG     | Giáo viên dạy giỏi          |
| 9  | LĐTT     | Lao động tiên tiến          |
| 10 | LĐXS     | Lao động xuất sắc           |
| 11 | MN       | Mầm non                     |
| 12 | QĐ       | Quyết định                  |
| 13 | TSVM     | Trong sạch vững mạnh        |
| 14 | UBND     | Ủy ban nhân dân             |
| 15 | VSATTP   | Vệ sinh an toàn thực phẩm   |
| 16 | XHHGD    | Xã hội hóa giáo dục         |



## BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

| Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường                    |     |           |          |     |           |
|----------------------------------------------------------------|-----|-----------|----------|-----|-----------|
| Tiêu chí                                                       | Đạt | Không đạt | Tiêu chí | Đạt | Không đạt |
| 1                                                              | X   |           | 5        | X   |           |
| 2                                                              | X   |           | 6        | X   |           |
| 3                                                              | X   |           | 7        | X   |           |
| 4                                                              | X   |           | 8        | X   |           |
| Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ      |     |           |          |     |           |
| Tiêu chí                                                       | Đạt | Không đạt | Tiêu chí | Đạt | Không đạt |
| 1                                                              | X   |           | 4        |     | X         |
| 2                                                              | X   |           | 5        | X   |           |
| 3                                                              | X   |           |          |     |           |
| Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi |     |           |          |     |           |
| Tiêu chí                                                       | Đạt | Không đạt | Tiêu chí | Đạt | Không đạt |
| 1                                                              | X   |           | 4        | X   |           |
| 2                                                              | X   |           | 5        | X   |           |
| 3                                                              | X   |           | 6        | X   |           |
| Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội      |     |           |          |     |           |
| Tiêu chí                                                       | Đạt | Không đạt | Tiêu chí | Đạt | Không đạt |
| 1                                                              | X   |           | 2        | X   |           |
| Tiêu chuẩn 5: Kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ     |     |           |          |     |           |
| Tiêu chí                                                       | Đạt | Không đạt | Tiêu chí | Đạt | Không đạt |

|                                     |    |    |    |    |    |
|-------------------------------------|----|----|----|----|----|
| Số nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  |
| Số nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi | 1  | 1  | 1  | 2  | 1  |
| Số nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi | 3  | 3  | 3  | 3  | 3  |
| Số lớp mẫu giáo từ 3 đến 4 tuổi     | 2  | 3  | 4  | 4  | 5  |
| Số lớp mẫu giáo từ 4 đến 5 tuổi     | 2  | 2  | 2  | 2  | 3  |
| Số lớp mẫu giáo từ 5 đến 6 tuổi     | 2  | 2  | 2  | 3  | 2  |
| <b>Cộng</b>                         | 10 | 11 | 12 | 14 | 14 |

## 2. Số phòng học

|                       | Năm học<br>2011 - 2012 | Năm học<br>2012 - 2013 | Năm học<br>2013 - 2014 | Năm học<br>2014 - 2015 | Năm học<br>2015 - 2016 |
|-----------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Tổng số               | 10                     | 11                     | 14                     | 14                     | 14                     |
| Phòng học kiên cố     | 0                      | 0                      | 7                      | 7                      | 7                      |
| Phòng học bán kiên cố | 7                      | 7                      | 7                      | 7                      | 7                      |
| Phòng học tạm         | 3                      | 4                      | 0                      | 0                      | 0                      |
| <b>Cộng</b>           | 10                     | 11                     | 14                     | 14                     | 14                     |

## 3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

### a). Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

|  | Tổng số | Nữ | Dân tộc | Trình độ đào tạo |            |                | Ghi chú |
|--|---------|----|---------|------------------|------------|----------------|---------|
|  |         |    |         | Đạt chuẩn        | Trên chuẩn | Chưa đạt chuẩn |         |
|  |         |    |         |                  |            |                |         |



|   |   |  |   |   |  |
|---|---|--|---|---|--|
| 1 | X |  | 5 | X |  |
| 2 | X |  | 6 | X |  |
| 3 | X |  | 7 | X |  |
| 4 | X |  | 8 | X |  |

Tổng số các chỉ số đạt: 85, Tỷ lệ %: 97.7%

Tổng số các tiêu chí đạt: 28, Tỷ lệ %: 96.6%

### Phần I CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường(theo quyết định mới nhất): Trường mầm non Phúc Sơn

Tên trước đây (nếu có): Trường mầm non bán công Phúc Sơn

Cơ quan chủ quản: Phòng giáo dục& Đào tạo Tân Yên

|                                                  |                                     |
|--------------------------------------------------|-------------------------------------|
| Tỉnh                                             | BẮC GIANG                           |
| Huyện                                            | Huyện Tân Yên                       |
| Xã                                               | Phúc Sơn                            |
| Đạt chuẩn quốc gia                               | mức độ 1                            |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 1995                                |
| Công lập                                         | <input checked="" type="checkbox"/> |
| Tư thục                                          | <input type="checkbox"/>            |
| Dân lập                                          | <input type="checkbox"/>            |

|                                |                          |
|--------------------------------|--------------------------|
| Họ và Tên Hiệu Trưởng          | Nguyễn Thị Thúy          |
| Điện Thoại                     | 0975347480               |
| Fax                            |                          |
| Website                        |                          |
| Số điểm trường                 | 2                        |
| Thuộc vùng đặc biệt khó khăn   | <input type="checkbox"/> |
| Trường liên kết với nước ngoài | <input type="checkbox"/> |
| Loại hình khác (ghi rõ):       | <input type="checkbox"/> |

#### 1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

|  | Năm học<br>2011 - 2012 | Năm học<br>2012 - 2013 | Năm học<br>2013 - 2014 | Năm học<br>2014 - 2015 | Năm học<br>2015 - 2016 |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|  |                        |                        |                        |                        |                        |

|                 |    |    |   |   |    |   |  |
|-----------------|----|----|---|---|----|---|--|
| Hiệu trưởng     | 1  | 1  | 0 | 0 | 1  | 0 |  |
| Phó hiệu trưởng | 2  | 2  | 0 | 0 | 2  | 0 |  |
| Giáo viên       | 18 | 18 | 2 | 5 | 13 | 0 |  |
| Nhân Viên       | 5  | 5  | 0 | 1 | 4  | 0 |  |
| <b>Cộng</b>     | 26 | 26 | 2 | 6 | 20 | 0 |  |

b). Số liệu của 5 năm gần đây

|                                                                          | Năm học<br>2011 - 2012 | Năm học<br>2012 - 2013 | Năm học<br>2013 - 2014 | Năm học<br>2014 - 2015 | Năm học<br>2015 - 2016 |
|--------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Tổng số giáo viên                                                        | 16                     | 16                     | 17                     | 17                     | 18                     |
| Tỷ lệ trẻ/giáo viên<br>(Đối với nhóm trẻ)                                | 11,7                   | 10                     | 10                     | 18,7                   | 20                     |
| Tỷ lệ trẻ/giáo viên<br>(Đối với lớp mẫu<br>giáo không có trẻ<br>bán trú) | 0                      | 0                      | 0                      | 0                      | 0                      |
| Tỷ lệ trẻ/giáo viên<br>(Đối với lớp mẫu<br>giáo có trẻ bán trú)          | 22,6                   | 21,8                   | 23,6                   | 24,2                   | 22,8                   |
| Tổng số giáo viên<br>dạy giỏi cấp huyện<br>và tương đương                | 6                      | 6                      | 6                      | 5                      | 3                      |
| Tổng số giáo viên<br>dạy giỏi cấp tỉnh và<br>tương đương trở lên         | 3                      | 3                      | 3                      | 3                      | 3                      |

**4. Trẻ**

|  | Năm học<br>2011 - 2012 | Năm học<br>2012 - 2013 | Năm học<br>2013 - 2014 | Năm học<br>2014 - 2015 | Năm học<br>2015 - 2016 |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|



|                             |      |     |      |      |      |
|-----------------------------|------|-----|------|------|------|
| Tổng số                     | 285  | 279 | 306  | 379  | 397  |
| Trong đó                    |      |     |      |      |      |
| Trẻ từ 03 đến 12 tháng tuổi | 0    | 0   | 0    | 0    | 0    |
| Trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi | 14   | 8   | 9    | 29   | 20   |
| Trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi | 68   | 53  | 61   | 93   | 80   |
| Trẻ từ 3 đến 4 tuổi         | 58   | 89  | 75   | 95   | 119  |
| Trẻ từ 4 đến 5 tuổi         | 68   | 60  | 97   | 72   | 103  |
| Trẻ từ 5 đến 6 tuổi         | 77   | 69  | 64   | 100  | 75   |
| Nữ                          | 113  | 124 | 135  | 168  | 171  |
| Dân tộc                     | 9    | 5   | 4    | 6    | 5    |
| Đối tượng chính sách        | 21   | 27  | 32   | 36   | 44   |
| Khuyết tật                  | 1    | 1   | 4    | 2    | 0    |
| Tuyển mới                   | 35   | 60  | 75   | 118  | 77   |
| Học 2 buổi trên ngày        | 285  | 279 | 306  | 379  | 397  |
| Bán trú                     | 285  | 279 | 306  | 379  | 397  |
| Tỷ lệ trẻ/lớp               | 33.8 | 31  | 29,5 | 26.7 | 29,7 |
| Tỷ lệ trẻ/nhóm              | 20.5 | 16  | 17,5 | 22,4 | 25   |

## **Phần II TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA NHÀ TRƯỜNG**

### **I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Phúc Sơn là một xã nằm ở phía Tây huyện Tân Yên, cách trung tâm huyện khoảng 15km, với diện tích tự nhiên là 578 ha, dân số là 6015 nhân khẩu, 1556 hộ được phân bố trên 11 thôn. Thành phần gồm 6 dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Cao Lan, Mường, Nùng (trong đó dân tộc Kinh chiếm 97,5%). Đảng bộ xã có 210 Đảng viên sinh hoạt ở 16 chi bộ, trong đó 11 chi bộ nông thôn, 5 Chi bộ cơ quan trường học. Hoạt động kinh tế của các hộ dân chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp, cơ sở hạ tầng kỹ thuật còn mặt yếu kém. Thu nhập bình quân đầu người còn thấp so với mặt bằng chung của huyện.

Trường Mầm non Phúc Sơn nằm trên địa bàn Thôn Lữ Vân- xã Phúc Sơn- huyện Tân Yên- Tỉnh Bắc Giang. Địa chỉ hòm thư điện tử c0phucsonty@bacgiang.edu.vn. Trường được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 1995, với những lớp học lẻ ở các thôn xóm. Năm 2008 khu trung tâm được tiếp nhận về khu nhà làm việc UBND xã tại thôn Lý Cốt.

Năm 2002, trường mẫu giáo Phúc Sơn của xã Phúc Sơn được đổi tên thành trường mầm non bán công Phúc Sơn. Đến tháng 3/2011 được chuyển đổi thành trường Mầm non Phúc Sơn theo Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 07/3/2011 của UBND huyện Tân Yên về việc chuyển đổi loại hình trường Mầm non Bán công sang trường Mầm non Công lập.

Năm 2013 nhà trường được UBND xã Phúc Sơn đầu tư xây dựng khu trung tâm tại thôn Lữ vân xã Phúc Sơn với tổng số 8 phòng học. Tổng diện tích là 4.800m<sup>2</sup>

Trải qua 21 năm xây dựng và phát triển, đến năm học 2015 - 2016 nhà trường đã có 14 nhóm lớp với 397 học sinh. Cơ sở vật chất của nhà trường ngày càng được khang trang, có đầy đủ các phòng học, phòng chức năng phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Hiện nay nhà trường có tổng số CB,GV-NV là 26 người. Trong đó có 20 CB, GV-NV có trình độ cao đẳng, đại học; 06 giáo viên, nhân viên có trình độ trung cấp. Tỷ lệ GVĐG các cấp hàng năm đạt 38%-64%. Tập thể CB, GV-NV nhà trường đoàn kết, nhiệt tình, yêu nghề, mến trẻ,



luôn có ý thức phấn đấu vươn lên. Những cố gắng nỗ lực của tập thể CB, GV-NV trường Mầm non Phúc Sơn đã góp phần đưa nhà trường đạt những thành tích đáng kể: Nhiều năm liền nhà trường đạt tập thể LĐTT, LĐXS; Được UBND tỉnh tặng giấy khen, được UBND huyện tặng giấy khen và được công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ 1 tháng 10/2015. Nhiều năm liền chi bộ đều đạt TSVM, vững mạnh tiêu biểu và được khen thưởng. Công đoàn đạt vững mạnh xuất sắc. Nhà trường nhiều năm đạt cơ quan văn hoá cấp huyện. Bằng sự đoàn kết, nỗ lực vượt khó, nhà trường luôn xác định vị trí, uy tín của mình là chất lượng dạy- học. Tập thể CB, GV-NV và học sinh của nhà trường luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Để duy trì và khẳng định chất lượng của nhà trường, trường mầm non Phúc Sơn tiến hành tự đánh giá. Để đảm bảo đúng quy trình và chất lượng, nhà trường đã sử dụng công cụ là: Hướng dẫn số 6339/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 02 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài trường Mầm non; Thông tư số 25/2014/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non; Công văn số 1988/KTKĐCLGD- KĐPT ngày 05 tháng 11 năm 2014 về việc xác định yêu cầu, gợi ý tìm minh chứng theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non để làm công cụ đánh giá theo một quy trình chặt chẽ, khoa học. Nhà trường thành lập Hội đồng tự đánh giá, nhóm thư ký. Hội đồng tự đánh giá xác định rõ mục đích, phạm vi đánh giá, xây dựng kế hoạch tự đánh giá, thu thập, xử lý và phân tích các thông tin minh chứng. Tập thể CB, GV-NV trường mầm non Phúc Sơn nhận thức sâu sắc mục đích, tầm quan trọng của việc tự đánh giá chất lượng giáo dục; đã tích cực tham gia thực hiện các nội dung, các bước của việc tự đánh giá chất lượng giáo dục dưới sự chỉ đạo, điều hành của chủ tịch Hội đồng tự đánh giá nhà trường. Nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá gồm có 9 thành viên. Hội đồng đã xây dựng kế hoạch, thời gian biểu tự đánh giá cụ thể từng ngày, từng tuần, giao việc cụ thể đến từng cá nhân trong Hội đồng tự đánh giá. Các thành viên đều được nhận nhiệm vụ với nội dung và thời gian cụ thể. Sau khi được phân công nhiệm vụ, các nhóm tiến hành vào làm việc với không khí sôi nổi, hào hứng, tích cực nên công việc tự đánh giá chất lượng giáo



dục trong nhà trường thực hiện đúng kế hoạch. Tất cả giáo viên, nhân viên đều sẵn sàng giúp đỡ, có trách nhiệm hoàn thành, sưu tầm minh chứng, hỗ trợ các thành viên trong hội đồng tự đánh giá. Sau thời gian là 01 năm thực hiện thu thập thông tin, minh chứng, rà soát các hoạt động giáo dục, đối chiếu, mã hoá các thông tin minh chứng, hoàn thiện dự thảo báo cáo tự đánh giá, Hội đồng tự đánh giá tổ chức họp với toàn thể giáo viên, nhân viên để thảo luận, đóng góp ý kiến cho dự thảo báo cáo tự đánh giá; so sánh kết quả tự đánh giá với các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành. Hội đồng tự đánh giá đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục và công bố báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ nhà trường.

Trong quá trình tự đánh giá chất lượng giáo dục, nhà trường dựa trên cơ sở tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành, trường Mầm non Phúc Sơn đã kịp thời khắc phục những tồn tại hạn chế, phấn đấu vươn lên và đạt được nhiều kết quả tốt đẹp. Bằng sự đoàn kết, sự nhất trí, lòng nhiệt tình, ý chí phấn đấu tập thể CB, GV-NV và học sinh của nhà trường luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên không ngừng được nâng cao; chất lượng giáo dục toàn diện được khẳng định; vị thế, vai trò, thương hiệu của nhà trường ngày càng vững chắc. Phát huy những thành tích đó, CB, GV-NV nhà trường tiếp tục nỗ lực phấn đấu, đổi mới, sáng tạo nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng toàn diện; chuẩn bị các điều kiện cho sự phát triển của nhà trường trong giai đoạn tiếp theo. Trải qua nhiều năm xây dựng và phát triển, dưới sự lãnh chỉ đạo trực tiếp của Phòng GD&ĐT Tân Yên, sự chỉ đạo của Đảng ủy- UBND xã Phúc Sơn: trường Mầm non Phúc Sơn ngày một phát triển rõ nét về mọi mặt một cách thực chất và đi vào chiều sâu. Nhờ thực hiện tốt công tác tham mưu với các cấp, các ngành và làm tốt công tác XHHGD nên CSVC, khuôn viên của nhà trường ngày một khang trang, sạch đẹp; tạo điều kiện thuận lợi cho việc dạy học và học của nhà trường. Các phòng học rộng, thoáng mát có đầy đủ điều kiện về phương tiện phục vụ cho việc dạy và học. Trường có đủ phòng họp, các phòng chức năng phục vụ công tác dạy và học. Tiếp cận và ứng dụng công nghệ thông tin, trường đã có máy vi tính nối mạng, máy chiếu phục vụ công tác quản lý và dạy học. Sân trường cả 2 khu được lát gạch phẳng, sạch, khuôn viên gọn gàng “Xanh-sạch-



đẹp” tạo được niềm vui, trẻ thoải mái và ham thích đến trường; Tạo tâm thế tốt từ đó mà trẻ tham gia vào các hoạt động một cách tích cực. Hơn thế, nhà trường đã tạo được niềm tin, sự yên tâm trong cha mẹ học sinh và nhân dân địa phương khi cho con em mình đến trường.

Song bên cạnh đó, khi rà soát lại các tiêu chuẩn, tiêu chí, nhà trường đã nhận thấy vẫn còn một số tồn tại: Nhạc cụ, trang phục biểu diễn của phòng giáo dục âm nhạc còn chưa phong phú. Trong đội ngũ giáo viên vẫn còn có giáo viên hạn chế trong việc đổi mới phương pháp dạy học lấy trẻ làm trung tâm, ứng dụng CNTT trong chăm sóc giáo dục trẻ. Còn có giáo viên còn rụt rè, ít phát biểu trong sinh hoạt chuyên môn. Nhân viên của trường chưa đủ số lượng nên cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả công việc.

Nhà trường đã đề ra được một số biện pháp khắc phục những mặt hạn chế, tồn tại và phát huy hơn nữa những thế mạnh của nhà trường như: Tuyên truyền, làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục tới các Ban ngành đoàn thể và các phụ huynh học sinh cũng như nhân dân trên địa bàn địa phương. Tiếp tục khuyến khích, tạo điều kiện cho CBGV đi học nâng cao trình độ lý luận, trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Phát động phong trào tự học, tự bồi dưỡng thường xuyên. Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn, tọa đàm về cải tiến phương pháp dạy học, bồi dưỡng kiến thức giáo viên về tin học, ứng dụng CNTT trong dạy học,... Phát động các phong trào thi đua: “Đôi bạn cùng tiến”, “Xây dựng vườn rau xanh cho bé”, “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, gắn liền với thực hiện tốt cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, cuộc vận động “Hai không”, cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”.

Qua quá trình tự đánh giá nhà trường theo Tiêu chuẩn chất lượng trường mầm non, nhà trường tự nhận thấy trường có 28 tiêu chí đạt yêu cầu, 01 tiêu chí chưa đạt yêu cầu (tiêu chí số lượng nhân viên). Nhà trường tự đánh giá, trường mầm non Phúc Sơn đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3.

## **II. TỰ ĐÁNH GIÁ**

### **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

#### **Mở đầu:**

Trên cơ sở Điều lệ trường Mầm non và các văn bản chỉ đạo của ngành, trong những năm qua nhà trường đã xây dựng và duy trì các tổ chức trong nhà trường và hoạt động có hiệu quả.

***Tiêu chí 1: Cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.***

a) Có hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và các hội đồng (hội đồng trường đối với trường công lập, hội đồng quản trị đối với trường dân lập, tư thục, hội đồng thi đua khen thưởng và các hội đồng khác).

b) Có các tổ chuyên môn và tổ văn phòng;

c) Có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác.

#### 1.1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có 01 Hiệu trưởng được luân chuyển công tác về trường mầm non Phúc Sơn tháng 7/2012 [H1-1-01-01]; [H1-1-01-02]; Có 02 Phó hiệu trưởng theo quy định: Đồng chí Nguyễn Thị Quyên bổ nhiệm năm 2005, Đồng chí Thân Thị Tới được luân chuyển về trường mầm non Phúc Sơn tháng 8/2014 [H1-1-01-03]; [H1-1-01-04]; Có Hội đồng trường gồm 9 thành viên [H1-1-01-05]; Hội đồng thi đua khen thưởng [H1-1-01-06]; Hội đồng chấm thi GVDG cấp trường [H1-1-01-07]. Hội đồng chấm SKKN [H1-1-01-08]; Hội đồng chấm thi đồ dùng đồ chơi cấp trường [H1-1-01-09]

Nhà trường có 03 tổ chuyên môn: Tổ mẫu giáo, Tổ nhà trẻ và Tổ văn phòng [H1-1-01-10].

Nhà trường có Chi bộ đảng với 16 đảng viên, Ban chi ủy gồm 03 đồng chí thuộc Đảng bộ xã Phúc Sơn [H1-1-01-11], có tổ chức Công đoàn với 26 đoàn viên, Ban chấp hành công đoàn gồm 03 người [H1-1-01-12], có Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh với 8 Đoàn viên [H1-1-01-13].

#### 1.2. Điểm mạnh

Nhà trường có cơ cấu bộ máy theo đúng Điều lệ trường mầm non, có Hội đồng tư vấn cho Hiệu trưởng. Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tư vấn



được thành lập theo đúng cơ cấu tổ chức và hoạt động có hiệu quả theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non. Các đoàn thể trong nhà trường được thành lập và hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn. Các đoàn thể và nhà trường luôn có sự phối kết hợp hoạt động chặt chẽ, đều tay, góp phần thực hiện tốt mọi chỉ tiêu nhiệm vụ giáo dục của nhà trường theo từng năm học.

### 1.3. Điểm yếu

Chi đoàn thanh niên mới thành lập nên hoạt động chưa phong phú, các đồng chí trong Ban chấp hành chi đoàn có ít thời gian cho hoạt động kiêm nhiệm.

### 1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì và phát huy những điểm mạnh trong những năm tiếp theo, chi bộ chỉ đạo nhà trường duy trì các hoạt động của công đoàn. Làm tốt công tác phối hợp các hoạt động trong nhà trường nhằm phát huy thế mạnh của mỗi cá nhân, tập thể, cùng chung sức góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

Chi đạo Chi đoàn thanh niên xây dựng kế hoạch hoạt động Chi đoàn, tổ chức các phong trào thi đua trong Chi đoàn. Phối hợp với Ban chấp hành Đoàn xã tổ chức các hoạt động cho Đoàn viên, tạo điều kiện cho Đoàn viên tham gia các hoạt động của Đoàn phát động...

### 1.5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt

***Tiêu chí 2: Lớp học, số trẻ, địa điểm trường theo quy định của Điều lệ trường mầm non.***

- a) *Lớp học được tổ chức theo quy định;*
- b) *Số trẻ trong một nhóm, lớp theo quy định;*
- c) *Địa điểm đặt trường, điểm trường theo quy định.*

### 2.1. Mô tả hiện trạng

Năm học 2015-2016 Nhà trường 4 nhóm trẻ và 10 lớp mẫu giáo với 397 học sinh [H1-1-02-01]

Số trẻ phân chia theo quy định: Mẫu giáo 29,7 trẻ/lớp; Nhà trẻ 25 trẻ/nhóm. Trẻ được phân chia theo đúng độ tuổi từ nhà trẻ đến mẫu giáo, không

có lớp ghép [H1-1-02-01]; [H1-1-02-02]; [H1-1-02-03].

Trường có 02 điểm, nằm ở 02 khu: Khu trung tâm của trường đặt tại thôn Lữ Vân. Đây là khu trung tâm của xã, nơi tập trung dân cư đông nhất xã thuận lợi cho học sinh đi học. Khu lẻ được đặt tại thôn Lý Cốt. Các khu đều có địa hình bằng phẳng gần trục đường giao thông liên thôn, liên xã rất thuận lợi cho phụ huynh đưa trẻ đến trường [H1-1-02-04]; [H1-1-02-05]; [H1-1-02-06].

## 2.2. Điểm mạnh

Các nhóm lớp của trường được tổ chức theo quy định, số lượng trẻ trong các nhóm lớp cơ bản đảm bảo theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 Điều lệ trường mầm non. Trẻ được chăm sóc giáo dục theo chương trình GDMN có hiệu quả, Địa điểm các khu của trường đều đặt ở khu đông dân cư thuận tiện cho việc đưa trẻ đến trường.

## 2.3. Điểm yếu

Một số lớp số trẻ không đồng đều, có nhóm nhiều, nhóm ít.

## 2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy và duy trì những điểm mạnh đồng thời nhà trường làm tốt công tác XHHGD để tuyên truyền phối hợp với phụ huynh cân đối số trẻ học tại các điểm trường lẻ cân bằng với khu trung tâm, tham mưu với địa phương xây dựng phòng học khu trung tâm năm 2017.

## 2.5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt

***Tiêu chí 3: Cơ cấu tổ chức và việc thực hiện nhiệm vụ của các tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.***

*a) Có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*b) Xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo tuần, tháng, học kỳ, năm học và thực hiện sinh hoạt tổ theo quy định;*

*c) Thực hiện các nhiệm vụ của tổ theo quy định.*

## 3.1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm nhà trường ra quyết định thành lập các Tổ chuyên môn, thành



viên tổ chuyên môn là cán bộ quản lý và giáo viên trong nhà trường. Thành lập được Tổ văn phòng, thành viên là nhân viên kế toán, nhân viên nuôi dưỡng. Hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm Tổ trưởng, Tổ phó tổ chuyên môn và tổ văn phòng [H1-1-03-01]; [H1-1-03-02]; [H1-1-02-03]; [H1-1-03-04]

Các tổ chuyên môn của nhà trường đều có kế hoạch hoạt động chung của tổ [H1-1-03-05]; [H1-1-03-06]; [H1-1-03-07]. Tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ ít nhất 2 lần/tháng. Có đầy đủ các biên bản sinh hoạt chuyên môn [H1-1-03-08]; [H1-1-03-09], Tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ 02 lần/tháng [H1-1-03-10].

Tổ chuyên môn thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định Điều lệ trường mầm non. Tổ xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn trong năm học và thực hiện bồi dưỡng hàng tháng. Các thành viên trong tổ có sổ ghi chép học tập bồi dưỡng chuyên môn [H1-1-03-11], quản lý tốt tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị, tài sản, tài chính, hồ sơ của tổ và của nhà trường [H1-1-03-12], xếp loại các thành viên trong tổ, đề xuất khen thưởng giáo viên theo từng học kỳ, cuối mỗi năm học [H1-1-03-13].

### 3.2. Điểm mạnh

Nhà trường có 3 tổ chuyên môn. Tổ chuyên môn trong trường thường xuyên tổ chức tốt các buổi sinh hoạt chuyên môn theo định kỳ và các đợt thi GVDG, chào mừng các ngày lễ trong năm. Đội ngũ giáo viên có chuyên môn nghiệp vụ khá, tốt tăng lên rõ rệt. Tỷ lệ giáo viên dạy giỏi các cấp, chiến sỹ thi đua hàng năm tăng tạo được những đột phá về chất lượng chuyên môn. Thành viên các tổ đáp ứng được nhiệm vụ giáo dục của nhà trường, không có những biểu hiện vi phạm đạo đức nhà giáo, có tổ chức nhận xét đánh giá các thành viên theo tổ, cuối năm học tổ chức bình bầu các danh hiệu thi đua từ các tổ.

### 3.3. Điểm yếu

Bố trí thời gian sinh hoạt chuyên môn chưa hợp lý.

Biên bản họp tổ ghi chép chưa khoa học, chưa nêu rõ hình thức sinh hoạt chuyên môn.

Tổ văn phòng mới được thành lập nên chưa có kinh nghiệm tổ chức triển khai các hoạt động.

### 3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy điểm mạnh duy trì các hoạt động của tổ chuyên môn, chỉ đạo tổ chuyên môn duy trì nề nếp sinh hoạt, tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng chuyên môn phù hợp yêu cầu mới theo sự chỉ đạo cấp trên. Tiếp tục tổ chức tốt các buổi sinh hoạt chuyên môn theo tổ, trường, cụm, bố trí thời gian hợp lý cho các tổ trong việc sinh hoạt chuyên môn theo định kỳ hàng tháng, tạo điều kiện cho các thành viên trong tổ đi dự giờ, học hỏi đồng nghiệp, tự học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ứng dụng CNTT vào bài dạy. Hướng dẫn thư ký cách ghi biên bản khoa học hơn, thể hiện đầy đủ các nội dung sinh hoạt.

### 3.5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt

***Tiêu chí 4: Chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục các cấp; bảo đảm Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường.***

a) *Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy Đảng, chấp hành sự quản lý hành chính của chính quyền địa phương, sự chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan quản lý giáo dục.*

b) *Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo quy định;*

c) *Bảo đảm Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường.*

### 4.1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm nhà trường đã tổ chức phổ biến, quán triệt CBGV trong toàn trường chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, luôn chấp hành sự chỉ đạo, quản lý của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương; sự chỉ đạo trực tiếp về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên. Tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn chấp hành tốt mọi chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt mọi quy định của ngành, của địa phương. Trong những năm qua không có cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm về kỷ luật đạo đức nhà giáo và chuyên môn nghiệp vụ. Tập thể nhà trường đoàn kết thống nhất trong mọi hoạt động [H1-1-04-01].



Nhà trường luôn luôn chấp hành sự chỉ đạo, quản lý của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương; sự chỉ đạo trực tiếp về chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo với cơ quan quản lý giáo dục cấp trên qua sổ theo dõi công văn đi - đến [H1-1-04-02].

Nhà trường xây dựng Quy chế dân chủ, Quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện đúng Quy chế [H1-1-04-03]; [H1-1-04-04]. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong trường học. Việc thực hiện Quy chế dân chủ được thông qua báo cáo tại Hội nghị cán bộ công chức viên chức, báo cáo của Ban thanh tra nhân dân, Nghị quyết Hội đồng trường và báo cáo tổng kết công đoàn [H1-1-04-05]; [H1-1-04-06]; [H1-1-04-07].

#### 4.2. Điểm mạnh

Tập thể CBGV-NV nhà trường luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục các cấp. Các đồng chí cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn vững vàng, nắm chắc chương trình giáo dục mầm non mới của Bộ Giáo dục và đào tạo hàng năm xây dựng kế hoạch chỉ đạo chuyên môn theo năm, học kỳ, hàng tháng, từng chủ đề với nội dung cụ thể, rõ ràng, khoa học bám sát chương trình chỉ đạo chung của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT và Phòng GD&ĐT đồng thời căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường hàng năm. Thực hiện tốt chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất. Công tác dân chủ, công khai, minh bạch trong mọi hoạt động của nhà trường luôn được Ban giám hiệu trường đặc biệt quan tâm và thực hiện nghiêm túc tạo được sự đồng thuận trong nội bộ nhà trường và sự tin tưởng tuyệt đối của các bậc phụ huynh học sinh.

#### 4.3. Điểm yếu

Công tác vào sổ công văn đi, đến chưa khoa học. Một số báo cáo nội dung chưa khoa học, trình bày văn bản chưa đúng thể thức.

#### 4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy các điểm mạnh, đồng thời giao nhiệm vụ cụ thể cho 1 Phó hiệu trưởng thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo, khắc phục ngay tình trạng nội dung của 1 số báo cáo chưa sâu sát, chưa đúng thể thức vào năm học

2016- 2017 và những năm tiếp theo. Duy trì không có cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên vi phạm các quy định của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục cấp trên. Cử nhân viên đi tập huấn công tác văn thư lưu trữ để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn. Thực hiện việc theo dõi công văn đi đến ghi sổ hàng ngày.

#### 4.5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt

***Tiêu chí 5: Quản lý hành chính, thực hiện các phong trào thi đua theo quy định.***

*a) Có đủ hồ sơ phục vụ hoạt động giáo dục của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường mầm non.*

*b) Lưu trữ đầy đủ, khoa học hồ sơ, văn bản theo quy định của Luật Lưu trữ;*

*c) Thực hiện các cuộc vận động, tổ chức và duy trì phong trào thi đua theo hướng dẫn của ngành và quy định của Nhà nước.*

#### 5.1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ, sổ sách theo quy định: Sổ phổ cập, đăng bộ [H1-1-02-01]; Sổ theo dõi lớp các độ tuổi [H1-1-02-03]; Hồ sơ quản lý trẻ khuyết tật hòa nhập [H1-1-05-01], Hồ sơ quản lý nhân sự [H1-1-05-02]; Kế hoạch chỉ đạo chăm sóc giáo dục trẻ các độ tuổi [H1-1-05-03], Sổ theo dõi tài sản, thiết bị của nhà trường [H1-1-05-04]; Hồ sơ quản lý bán trú [H1-1-05-05]; [H1-1-05-06]; Sổ soạn bài của Tổ trưởng, Tổ phó, GV theo quy định [H1-1-05-07]; Sổ dự giờ của GV [H1-1-05-08].

Hàng năm nhà trường đánh giá nghiêm túc việc thực hiện công tác lưu trữ, bảo quản hồ sơ, văn bản theo quy định [H1-1-04-02].

Nhà trường thường xuyên tổ chức tốt các cuộc vận động và các phong trào thi đua: “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” gắn với nội dung cuộc vận động “Hai không” cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là tấm gương về tự học và sáng tạo” Phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” có đánh giá thực hiện các phong trào thi đua [H1-1-02-06]; [H1-1-05-09]; [H1-1-04-01]; [H1-1-05-10]. Nhà trường,chi bộ được các cấp có thẩm quyền khen thưởng: Chi bộ 5 năm liền đạt trong sạch vững mạnh tiêu



biểu( 2010-2015); Trường 5 năm (2011-2016) đạt tập thể lao động tiên tiến và tiên tiến xuất sắc; Công đoàn 5 năm liền đạt trong sạch vững mạnh và vững mạnh xuất sắc [H1-1-05-11]; Có nhiều giáo viên được khen thưởng trong các phong trào thi đua [H1-1-05-12].

## 5.2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt công tác quản lý hành chính, quản lý chuyên môn và các phong trào thi đua theo đúng quy định và có đủ các loại hồ sơ quản lý chuyên môn, quản lý bán trú. Lưu trữ đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách theo quy định. Thực hiện tốt các cuộc vận động và phong trào thi đua do ngành phát động.

## 5.3. Điểm yếu

Không có nhân viên văn thư nên việc sắp xếp lưu trữ hồ sơ đôi khi chưa khoa học nên còn khó khăn cho việc tìm lại các thông tin.

## 5.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phát huy những điểm mạnh, đồng thời nhà trường cần chỉ đạo công tác phối kết hợp với tổ chức Công đoàn, Chi đoàn để giao trách nhiệm tới từng đoàn viên để thực hiện các cuộc vận động. Theo dõi, sắp xếp hồ sơ khoa học hơn, ghi chép vào sổ công văn đi đến hàng ngày. Nhà trường phân công thêm 01 cán bộ quản lý theo dõi và 01 giáo viên kiêm nhiệm công tác bảo quản và lưu trữ hồ sơ. Tham mưu với các cấp bổ sung nhân viên văn thư.

## 5.5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt

***Tiêu chí 6: Quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên, trẻ và quản lý tài chính, đất đai, cơ sở vật chất theo quy định.***

*a) Thực hiện nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý trẻ theo quy định của Điều lệ trường mầm non.*

*b) Thực hiện tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm, quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Điều lệ trường mầm non và các quy định khác của pháp luật.*

*c) Quản lý, sử dụng hiệu quả tài chính, đất đai, cơ sở vật chất để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

### 6.1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý trẻ em theo quy định của Điều lệ trường mầm non như: Hàng năm xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, Kế hoạch kiểm tra nội bộ [H1-1-02-06]; [H1-1-06-01]; Thường xuyên kiểm tra, dự giờ GV theo quy định [H1-1-06-02]; [H1-1-06-03]. Quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý trẻ bằng hệ thống hồ sơ theo quy định như: Hồ sơ quản lý nhân sự [H1-1-05-02]; Hồ sơ quản lý học sinh, Hồ sơ bán trú [H1-1-05-03]; [H1-1-05-05]; [H1-1-04-02]; [H1-1-05-07].

Hàng năm nhà trường thực hiện tốt công tác bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn; Thực hiện tốt công tác tham mưu tuyển dụng quản lý cán bộ công chức viên chức theo Luật và Điều lệ trường mầm non [H1-1-06-04]; [H1-1-06-05]

Nhà trường thực hiện tốt công tác kiểm kê tài sản hàng năm theo quy định. Hội đồng nhà trường được tổ chức họp bàn bạc dân chủ đóng góp ý kiến xây dựng, bổ sung các kế hoạch của nhà trường nhất là tài chính. Nhà trường xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ rõ ràng cho từng năm, quản lý sử dụng hiệu quả tài chính, cơ sở vật chất [H1-1-04-04]; [H1-1-03-12]; Hàng năm nhà trường có báo cáo công tác tài chính [H1-1-06-06]; [H1-1-06-07].

### 6.2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ hệ thống hồ sơ quy định tại Điều 25 Điều lệ trường mầm non. Ban giám hiệu nhà trường đã xây dựng kế hoạch quản lý chỉ đạo các hoạt động giáo dục trong nhà trường cụ thể, sát thực tế, có tính khả thi phù hợp với thực tế của trường. Thực hiện việc quản lý cán bộ công chức, viên chức theo Luật công chức viên chức và thực hiện tốt việc tuyển dụng, bổ nhiệm giáo viên, nhân viên theo Điều lệ trường mầm non.

Hàng năm nhà trường đã thực hiện việc quản lý theo dõi tài chính, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, có đầy các loại hồ sơ sổ sách, dự toán thu, chi hợp lý đảm bảo đúng nguyên tắc tài chính của Nhà nước, thực hiện thường xuyên việc công khai. Quản lý sử dụng tốt tài sản thiết bị dạy và học.

### 6.3. Điểm yếu



Việc kiểm kê tài sản của nhà trường đôi khi còn chậm, chưa đúng tiến độ. Chứng từ kế toán năm học 2011-2013 chưa khoa học do chưa có kế toán.

#### 6.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy những điểm mạnh và nhà trường chủ động tham mưu với phòng tài chính huyện Tân Yên mở các lớp tập huấn cho kế toán và Hiệu trưởng để nâng cao trình độ chuyên môn để lập dự toán thu, chi đảm bảo đúng thời gian quy định trong năm 2016 -2017 và những năm tiếp theo. Hiệu trưởng thực hiện tự bồi dưỡng công tác quản lý tài chính, kiểm tra công tác thu chi kịp thời.

#### 6.5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt

***Tiêu chí 7: Bảo đảm an ninh trật tự, an toàn cho trẻ và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.***

*a) Có phương án cụ thể bảo đảm an ninh trật tự trong nhà trường.*

*b) Có phương án cụ thể phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ; phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm trong nhà trường.*

*c) Bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ và cho cán bộ giáo viên, nhân viên trong phạm vi nhà trường.*

#### 7.1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự [H1-1-07-01], thường xuyên phối hợp với công an địa phương trong việc đảm bảo trật tự an ninh xã hội trong trường học [H1-1-07-02]; Có hợp đồng bảo vệ để đảm bảo an ninh trật tự trong trường học [H1-1-07-03].

Hàng năm nhà trường có phương án cụ thể phòng chống tai nạn thương tích [H1-1-07-04], Kế hoạch phòng chống cháy nổ [H1-1-07-05], Kế hoạch phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm trong nhà trường [H1-1-07-06], có kế hoạch hoạt động y tế trường học [H1-1-07-07]. Nhà trường được cơ quan cấp trên đánh giá trường học đạt an toàn [H1-1-07-08]. Có kế hoạch phối hợp với trạm y tế xã phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe cho trẻ [H1-1-07-09]. Công tác VSATTP được nhà trường đặt lên hàng đầu, các nguồn thực phẩm cung cấp cho nhà trường được ký kết đảm bảo có nguồn gốc rõ ràng [H1-1-07-

10]. Nhà trường có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hàng ngày đảm bảo 24/24 giờ, hàng năm không có vụ ngộ độc thực phẩm nào xảy ra và được trung tâm y tế dự phòng cấp giấy chứng nhận VSATTP [H1-1-07-11].

Hàng năm công tác an ninh, trật tự, an toàn thực phẩm, an toàn tính mạng cho trẻ đều được nhà trường trú trọng, 100% cán bộ giáo viên, học sinh đều được đảm bảo an toàn [H1-1-04-01].

## 7.2. Điểm mạnh

Trong những năm vừa qua việc đảm bảo an ninh xã hội trong trường học được thực hiện tốt, đã hợp đồng với bảo vệ chặt chẽ để đảm bảo mọi tài sản của nhà trường hàng năm không có vụ việc nào xảy ra.

Nhà trường chú trọng đến đảm bảo an toàn cho trẻ, hàng năm có hợp đồng thực phẩm ở cơ sở sản xuất đảm bảo an toàn nên không để xảy ra ngộ độc thực phẩm, được cơ quan cấp trên cấp giấy chứng nhận “Bếp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm”; hàng năm không có vụ việc ngộ độc thực phẩm và tai nạn thương tích xảy ra trong trường, lớp.

Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa các thiết bị, điều kiện, phương tiện phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, đảm bảo an toàn cho cô và trẻ.

## 7.3. Điểm yếu

Kiến thức, kỹ năng thực hành về phòng cháy, chữa cháy còn hạn chế. Báo cáo tổng kết năm học hàng năm đánh giá nội dung đảm bảo an ninh trật tự, phòng tránh cháy nổ,... chưa cụ thể.

## 7.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Duy trì và phát huy tốt các điểm mạnh, phối hợp với đội phòng cháy chữa cháy của công an huyện tập huấn kiến thức cho CBGV, nhân viên. Tăng cường đề cao cảnh giác trong phòng chống cháy, nổ.

Đánh giá cụ thể các nội dung đảm bảo an ninh trật tự, phòng tránh cháy nổ... cụ thể hơn vào báo cáo tổng kết năm học 2016-2017. Bổ xung đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị phòng chống cháy nổ. Dự kiến nguồn kinh phí 5.000.000đ trích từ nguồn chi hoạt động của nhà trường.



### 7.5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt

**Tiêu chí 8: Tổ chức các hoạt động lễ hội, văn nghệ, vui chơi phù hợp với điều kiện địa phương.**

a) Có nội dung hoạt động lễ hội, văn nghệ, vui chơi theo từng tháng, từng năm học và thực hiện đúng tiến độ, đạt hiệu quả.

b) Trong năm học tổ chức ít nhất một lần cho trẻ từ 4 tuổi trở lên tham quan địa danh, di tích lịch sử, văn hoá địa phương hoặc mời nghệ nhân hướng dẫn trẻ làm đồ chơi dân gian.

c) Phổ biến, hướng dẫn cho trẻ các trò chơi dân gian, các bài ca dao, đồng dao, bài hát dân ca phù hợp.

### 8.1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm nhà trường có kế hoạch tổ chức các hoạt động, lồng ghép vào nội dung giáo dục, hưởng ứng các phong trào do ngành phát động [H1-1-04-01]; [H1-1-02-06]; [H1-1-03-04]; [H1-1-08-01]; [H1-1-08-02]. Trẻ được tham gia các hoạt động vui chơi tập thể, văn nghệ, ngày lễ hội....[H1-1-08-03].

Hàng năm nhà trường có tổ chức cho trẻ 4-5 tuổi, 5-6 tuổi đi tham quan về những địa danh, di tích lịch sử địa phương như: Nghĩa trang liệt sĩ xã, Đình Yên Lý- nơi thành lập Chi bộ đảng đầu tiên của huyện Tân Yên; Thăm quan Chùa Mai Hoàng- di tích lịch sử cấp tỉnh...[H1-1-08-04]; [H1-1-08-05].

Giáo viên ở các nhóm lớp thường xuyên hướng dẫn cho trẻ các trò chơi dân gian, các bài ca dao, đồng dao, bài hát dân ca phù hợp với lứa tuổi trẻ mầm non qua các hoạt động chơi, học, vào các hoạt động buổi chiều. Giáo viên ở các nhóm lớp thường xuyên hướng dẫn trẻ làm đồ chơi dân gian như: làm Con trâu bằng lá mít, Con mèo bằng lá chuối, Con lợn bằng bèo tây, gập chong chóng bằng lá dứa... phù hợp với từng độ tuổi [H1-1-08-06]; [H1-1-08-07].

### 8.2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động lễ hội, văn nghệ như: Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường, ngày Tết Trung thu, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6... Đội ngũ giáo viên nhiệt tình có năng khiếu về âm nhạc

nên việc tổ chức các hoạt động văn nghệ, lễ hội được thuận lợi.

Tổ chức và lồng ghép tốt các hoạt động cho trẻ tiếp cận với đồng dao, ca dao, các làn điệu dân ca. Trẻ được thăm quan di tích lịch sử, địa danh, giáo viên tổ chức các trò chơi dân gian cho trẻ trong các hoạt động ngoài trời rất sôi nổi đạt kết quả cao.

### 8.3. Điểm yếu

Không có điểm yếu

### 8.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phát huy những điểm mạnh, tiếp tục kết hợp với phụ huynh chặt chẽ hơn để tổ chức trẻ từ 3 đến 5 tuổi đi tham quan các địa danh, di tích lịch sử vào năm học 2016- 2017 và những năm tiếp theo. Dự kiến kinh phí tổ chức 10.000.000đ từ từ nguồn xã hội hóa giáo dục.

### 8.5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 1:**

Trường mầm non Phúc Sơn có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định trong Điều lệ trường mầm non. Cơ bản các tổ chức chính trị - xã hội trong trường hoạt động có chất lượng. Trường đặt ở trung tâm xã, có 02 điểm trường ở gần nhau nên rất thuận lợi cho công tác quản lý và việc phụ huynh học sinh đưa đón trẻ. Nhà trường phân chia trẻ trên lớp theo quy định, trẻ được ăn bán trú và học 2 buổi/ngày. Nhà trường chấp hành tốt các chủ trương đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước, quy định của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục cấp trên. Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng có năng lực quản lý, có trình độ chuyên môn trên chuẩn. Trường có tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các đoàn thể theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Nhà trường xây dựng các kế hoạch sát với thực tế và luôn có tính khả thi. BGH luôn thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ, quản lý và chỉ đạo toàn bộ các hoạt động của nhà trường theo kế hoạch và bằng kế hoạch, theo sự chỉ đạo của cấp trên, làm việc khoa học, nhiệt tình, năng động, sáng tạo có trách nhiệm cao với công việc được giao.

Các tổ chức: Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên



Cộng sản Hồ Chí Minh luôn đạt trong sạch vững mạnh và vững mạnh xuất sắc. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng quản lý công tác của giáo viên, nhân viên theo đúng chức năng nhiệm vụ được phân công. Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng hoạt động thường xuyên, tích cực nên hiệu quả đạt cao.

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác tổ chức và quản lý của nhà trường vẫn còn có những hạn chế: Việc lưu trữ các văn bản đi, đến còn chưa khoa học. Chi đoàn thanh niên mới thành lập nên hoạt động chưa phong phú, ghi chép biên bản chưa khoa học....

Tuy nhiên, trường Mầm non Phúc Sơn luôn bám sát các nội dung của tiêu chuẩn, có kế hoạch cải tiến chất lượng thường xuyên như đổi mới công tác quản lý chỉ đạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường, thực hiện tốt quy chế dân chủ, tổ chức và quản lý nhà trường hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu nhiệm vụ đã đề ra.

\* Số lượng các chỉ số đạt yêu cầu: 24/24

\* Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 8/8.

+ Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 8

+ Số tiêu chí đạt: 8

+ Số tiêu chí không đạt: 0

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ**

**Mở đầu:**

Ban giám hiệu nhà trường gồm 01 Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng, BGH có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ trường mầm non và có đủ năng lực để quản lý và triển khai các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Giáo viên của nhà trường đạt các yêu cầu về trình độ đào tạo theo quy định Điều lệ trường mầm non, thực hiện công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo, thực hiện nghiêm túc việc tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, vận dụng sáng tạo và có hiệu quả các phương pháp giáo dục và ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động giáo dục. Nhân viên có trình độ đạt chuẩn theo các tiêu chuẩn quy định của Điều lệ trường

mầm non. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của trường được đánh giá xếp loại hàng năm và được đảm bảo các quyền lợi theo quy định của pháp luật.

***Tiêu chí 1: Năng lực của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trong quá trình triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.***

a) Có thời gian công tác theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; có bằng trung cấp sư phạm mầm non trở lên; đã được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục và lý luận chính trị theo quy định.

b) Được đánh giá hàng năm đạt từ loại khá trở lên theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non.

c) Có năng lực quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường, nắm vững Chương trình giáo dục mầm non; có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý và chỉ đạo chuyên môn.

#### 1.1. Mô tả hiện trạng

Đồng chí Hiệu trưởng Nguyễn Thị Thúy sinh năm 1977, công tác trong ngành giáo dục từ năm 1997, được bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 8 năm 2000, được luân chuyển về công tác tại trường mầm non Phúc Sơn tháng 7/2012 [H2-2-01-01]. Đồng chí Phó hiệu trưởng Nguyễn Thị Quyên sinh năm 1970, công tác trong ngành giáo dục từ năm 1990, được bổ nhiệm từ tháng 9/2005. Đồng chí Phó hiệu trưởng Thân Thị Tới sinh năm 1970, công tác trong ngành giáo dục từ năm 1988, được bổ nhiệm từ tháng 9/2004, được luân chuyển về trường mầm non Phúc Sơn tháng 8/2014 [H1-1-01-03]; Đồng chí Hiệu trưởng có trình độ chuyên môn ĐHSPMN, có bằng trung cấp chính trị, được bồi dưỡng kiến thức quản lý giáo dục mầm non, quản lý nhà nước, có chứng chỉ đàn Ogan. Cả 02 đồng chí Phó hiệu trưởng đều có trình độ đại học, có chứng chỉ quản lý giáo dục mầm non, bằng trung cấp lý luận chính trị.. [H2-2-01-02].

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng có kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, quản lý, có đủ sức khỏe, có phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống tốt, có năng lực chuyên môn và quản lý tốt, nhiều năm đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, CSTĐ cơ sở, và đạt giấy khen của UBND huyện [H2-2-01-03]. Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng luôn gương mẫu, trách nhiệm, nhiệt tình hoàn thành tốt nhiệm vụ được



giao, được CBGV-NV trong nhà trường và phụ huynh học sinh tín nhiệm. Hàng năm được đánh giá xếp loại khá, xuất sắc theo quy định về chuẩn Hiệu trưởng trường MN [H2-2-01-04].

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng có đủ năng lực quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường, nắm vững chương trình giáo dục MN, xây dựng và tổ chức tốt bộ máy nhà trường, quản lý tốt hoạt động dạy và học, thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Hội đồng trường, hàng năm được Phòng GD&ĐT đánh giá xếp loại tốt [H2-2-01-03], có khả năng ứng dụng CNTT vào công tác quản lý và chỉ đạo chuyên môn [H2-2-01-05].

### 1.2. Điểm mạnh

Trong 5 năm qua đội ngũ CBQL của trường MN Phúc Sơn có đủ năng lực để chỉ đạo, quản lý, tổ chức điều hành các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ trong nhà trường. Có trình độ chuyên môn trên chuẩn, có năng lực quản lý, nhiệt tình, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc, đoàn kết trong Ban giám hiệu và quy tụ đội ngũ, đoàn kết trong tập thể, được tập thể nhà trường tín nhiệm về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, đạt nhiều thành tích trong công tác thi đua.

### 1.3. Điểm yếu

Trong công tác quản lý, xử lý công việc đôi khi còn nặng tình cảm chủ yếu dùng biện pháp thuyết phục động viên, công việc đôi khi còn chưa linh hoạt, sắp xếp công việc đôi lúc còn chưa khoa học.

### 1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy những mặt mạnh đã làm được trong công tác quản lý nhà trường, tiếp tục tu dưỡng rèn luyện đạo đức lối sống, học tập chuyên môn năng lực quản lý, đoàn kết nội bộ vượt qua khó khăn hoàn thành nhiệm vụ. Tiếp tục phát huy vai trò gương mẫu, có tinh thần trách nhiệm hơn nữa trong công tác quản lý nhà trường, làm tốt hơn công tác đánh giá, nhận xét đồng nghiệp, lấy kết quả công việc làm thước đo để đánh giá CBGV cuối năm học.

Linh hoạt hơn và sắp xếp các công việc khoa học hơn trong quản lý chỉ đạo nhà trường và chuyên môn trong năm học 2016-2017 và những năm tiếp theo.

### 1.5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt

**Tiêu chí 2: Số lượng, trình độ đào tạo và yêu cầu về kiến thức của giáo viên.**

a) Số lượng giáo viên theo quy định.

b) 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn được đào tạo trở lên, trong đó có ít nhất 30% giáo viên trên chuẩn về trình độ đào tạo đối với miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo và ít nhất 40% đối với các vùng khác.

c) Có hiểu biết về văn hóa và ngôn ngữ dân tộc phù hợp với địa bàn công tác và có kiến thức cơ bản về giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật.

### 2.1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định tại Thông tư số 71/2007/TTLT-BGD ngày 28/11/2007 của Bộ Nội vụ và Bộ GD-ĐT, tổng số giáo viên của trường là 18 với 14 lớp, đảm bảo 1,29 giáo viên/lớp [H2-2-02-01].

Nhà trường có 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn trong đó có 13/18 giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn đạt 72%, [H1-1-05-02]; [H2-2-02-01].

100% giáo viên nhà trường có hiểu biết về văn hóa địa phương, có ngôn ngữ phù hợp, thường xuyên nắm bắt tình hình thực tế của học sinh trong nhóm lớp và trẻ khuyết tật [H2-2-02-02]; [H1-1-05-01].

### 2.2. Điểm mạnh

Toàn thể giáo viên trong trường đều có trình độ đạt chuẩn trong đó trình độ trên chuẩn đạt tỉ lệ cao, giáo viên được bố trí đủ và hợp lý theo quy định. Đa số đội ngũ giáo viên có trình độ đào tạo chuyên môn cao, nhiệt tình, năng động sáng tạo, là những nòng cốt, mũi nhọn về chuyên môn của trường cũng như của ngành. Hầu hết giáo viên là người địa phương nên rất thuận lợi trong việc tìm hiểu, khai thác và truyền thụ cho học sinh những kiến thức về văn hóa, lịch sử truyền thống của quê hương Phúc Sơn, Tân Yên, Bắc Giang.

### 2.3. Điểm yếu

Không có điểm yếu



#### 2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy những điểm mạnh, nhà trường làm tốt công tác tham mưu các cấp có thẩm quyền để tuyển dụng số giáo viên có trình độ đạt chuẩn vào biên chế nhà nước.

Nhà trường tăng cường hơn nữa công tác bồi dưỡng chuyên môn tại trường, tổ chức cho giáo viên học tập đơn vị điển hình về đổi mới phương pháp dạy học, giáo dục lấy trẻ làm trung tâm ít nhất 02 lần/năm. Tạo điều kiện cho 05 giáo viên học tập nâng cao trình độ trên chuẩn.

#### 2.5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt

***Tiêu chí 3: Kết quả đánh giá, xếp loại giáo viên và việc bảo đảm các quyền của giáo viên.***

*a) Xếp loại chung cuối năm học của giáo viên đạt 100% từ loại trung bình trở lên, trong đó có ít nhất 50% xếp loại khá trở lên theo Quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.*

*b) Số lượng giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện (quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh) trở lên đạt ít nhất 5%.*

*c) Giáo viên được bảo đảm các quyền theo quy định của Điều lệ trường mầm non và của pháp luật.*

#### 3.1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường thực hiện nghiêm túc việc đánh giá xếp loại, đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên hàng năm từ tổ đến nhà trường. 100% giáo viên được đánh giá xếp loại đảm bảo đúng, công bằng, dân chủ. Hàng năm có 60-85% giáo viên xếp loại chuẩn nghề nghiệp từ khá trở lên trong đó năm 2015-2016 có 6/16 giáo viên xếp loại xuất sắc đạt 37,5%, có 8/16 giáo viên xếp loại khá đạt 50 %, có 2/16 giáo viên xếp loại trung bình chiếm 12,5% [H1-1-03-12]; [H1-1-05-02]; [H2-2-03-01].

Hàng năm nhà trường có tỷ lệ giáo viên dạy giỏi từ cấp huyện, cấp tỉnh trở lên đạt 38% - 64% được các cấp có thẩm quyền công nhận và khen thưởng. [H2-2-03-02]; [H2-2-03-03]; [H1-1-04-01]

Giáo viên được đảm bảo quyền lợi theo quy định của Điều lệ trường mầm non: Được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc GD trẻ, được học tập, nâng cao trình độ, học tập chuyên môn, được hưởng lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định [H1-1-04-05]; [H1-1-04-06]

### 3.2. Điểm mạnh

Nhà trường làm công tác đánh giá xếp loại CB- GV- NV theo đúng quy trình hướng dẫn, làm tốt phong trào thi đua từ tổ đến nhà trường, mỗi cá nhân CB- GV- NV đều có tinh thần tự giác, tinh thần trách nhiệm nên luôn phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đội ngũ giáo viên giỏi các cấp luôn đạt tỷ lệ cao. 100% CB- GV -NV trong nhà trường đều có ý thức tự bồi dưỡng đạo đức, phấn đấu thực hiện theo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên MN do Bộ GD&ĐT ban hành. Toàn thể CB- GV-NV trong nhà trường đoàn kết, thống nhất nhằm xây dựng tập thể nhà trường vững mạnh. Hàng năm, có nhiều CBGV đạt các danh hiệu: CSTĐ, LĐTT, GVDG các cấp, UBND huyện khen thưởng. Luôn quan tâm tới đời sống, chế độ chính sách và quyền lợi chính đáng của chị em giáo viên chi trả kịp thời, thỏa đáng với công sức phấn đấu làm việc của giáo viên, tạo được niềm tin tuyệt đối với sự lãnh đạo chỉ đạo của BGH nhà trường.

### 3.3. Điểm yếu

Năng lực chuyên môn của giáo viên không đồng đều. Còn một số giáo viên mới vào ngành nên việc tiếp cận đổi mới phương pháp và ứng dụng CNTT trong giảng dạy còn hạn chế.

### 3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn, phẩm chất đạo đức cho giáo viên. Phát huy những điểm mạnh đã đạt được, phấn đấu giữ vững các chỉ tiêu thi đua trong năm học 2016-2017 và những năm học tiếp theo. Ban giám hiệu, tổ chuyên môn, giáo viên cốt cán tích cực bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên trẻ tuổi, giao nhiệm vụ cụ thể cho giáo viên cần phấn đấu thi giáo viên giỏi, yêu cầu giáo viên phải tự học hỏi bằng nhiều hình thức khác nhau

Tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên về CNTT, bố trí giáo viên thành thạo về CNTT hướng dẫn giáo viên yếu về CNTT, định kỳ kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm...



### 3.5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt

**Tiêu chí 4: Số lượng, chất lượng và việc bảo đảm các chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhân viên của nhà trường.**

a) Số lượng nhân viên theo quy định;

b) Đạt trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, riêng nhân viên nấu ăn phải có chứng chỉ nghề nấu ăn.

c) Nhân viên thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao và được bảo đảm chế độ, chính sách theo quy định.

#### 4.1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có 05 nhân viên, trong đó có 01 nhân viên kế toán, 04 nhân viên nuôi dưỡng [H2-2-04-01].

Nhân viên kế toán của nhà trường có trình độ cao đẳng, hàng năm đều được tập huấn, bồi dưỡng và nghiệp vụ theo công việc được giao [H2-2-04-01], nhân viên nấu ăn được ký hợp đồng lao động và có chứng chỉ nghề nấu ăn [H2-2-04-02]; [H2-2-04-03];

Kế toán được đảm bảo chế độ, thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ. Nhân viên nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại điều 36 Điều lệ trường MN, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hàng năm đều được đánh giá xếp loại, được hưởng lương tối thiểu theo quy định [H2-2-04-04]; [H1-1-04-01]; [H1-1-04-05]; [H1-1-04-06].

#### 4.2. Điểm mạnh

Nhân viên kế toán có trình độ trên chuẩn, có ý thức cao trong công tác kế toán nên thực hiện việc thu chi theo đúng nguyên tắc tài chính, chứng từ lưu trữ rõ ràng. Nhân viên nấu ăn có tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, chế biến các bữa ăn đảm bảo theo yêu cầu dinh dưỡng của trẻ và thời gian quy định. Thực hiện đảm bảo vệ sinh bếp ăn, vệ sinh dụng cụ, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo khẩu phần ăn, giờ ăn, chế độ ăn của trẻ, có sức khỏe tốt không mắc bệnh truyền nhiễm, hoàn thành tốt nhiệm vụ phân công.

#### 4.3. Điểm yếu

Chưa có nhân viên y tế học đường, nhân viên hành chính đối với trường hạng I (theo quy định tại Thông tư 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015). Nhân viên nuôi dưỡng làm hợp đồng ngắn hạn nên mức thu nhập thấp, chưa được đóng bảo hiểm xã hội, chưa được biên chế.

#### 4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phát huy điểm mạnh đã đạt được, tích cực tham mưu, đề xuất với các cấp có thẩm quyền để biên chế đủ nhân viên theo quy định trong những năm học tiếp theo. hàng năm tổ chức cho nhân viên khám sức khỏe định kỳ; thường xuyên kiểm tra chặt chẽ bếp ăn, thực hiện tốt việc giao nhận thực phẩm...

Tiếp tục tham mưu các cấp để nhân viên nấu ăn được hợp đồng dài hạn, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, có chế độ hỗ trợ thêm mức thu nhập cho nhân viên.

#### 4.5. Tự đánh giá tiêu chí: Không đạt

***Tiêu chí 5: Trẻ được tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và được bảo đảm quyền lợi theo quy định.***

*a) Được phân chia theo độ tuổi;*

*b) Được tổ chức bán trú và học 2 buổi/ngày;*

*c) Được bảo đảm quyền lợi theo quy định.*

#### 5.1. Mô tả hiện trạng

Trẻ được phân chia đúng theo độ tuổi, toàn trường có 14 nhóm lớp. Trong đó: Nhóm trẻ 24 -36 tháng: 03 lớp; lớp MG 3-4 tuổi: 04 lớp; lớp MG 4-5 tuổi: 04 lớp; lớp MG 5-6 tuổi: 03 lớp [H1-1-02-01]; [H1-1-02-03].

Trẻ được ăn bán trú tại trường và học 2 buổi/ngày theo quy định [H1-1-05-05]

Được bảo đảm quyền lợi theo quy định: Trẻ được chăm sóc, nuôi dưỡng theo chương trình GDMN, được miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ ăn trưa, được chăm sóc sức khỏe ban đầu... [H2-2-05-01].

#### 5.2. Điểm mạnh



Nhà trường thực hiện đúng số nhóm lớp theo độ tuổi từ nhà trẻ đến mẫu giáo, xây dựng đủ các loại kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ và trẻ được học 2 buổi/ngày, nhà trường tổ chức cho trẻ được ăn bán trú tại trường đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Giáo viên luôn yêu thương gần gũi với trẻ, trẻ được hưởng mọi quyền lợi theo đúng qui định.

Nhà trường thực hiện tốt việc phân chia nhóm lớp học để trẻ được học theo đúng độ tuổi, phân chia nhóm lớp theo từng độ tuổi phù hợp với từng khu cụm, không có lớp học ghép, không phải đi học khoảng cách quá xa. 100% trẻ ăn bán trú tại trường. Trẻ được hưởng các quyền lợi học tập - vui chơi theo quy định tại Điều lệ trường MN. Trẻ được hưởng quyền lợi chế độ chính sách của nhà nước.

### 5.3. Điểm yếu

Một số nhóm lớp số học sinh còn nhiều hơn so với quy định, một số nhóm lớp số học sinh ít.

### 5.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục thực hiện chế độ chính sách, thực hiện công bằng với trẻ. Phát huy những điểm mạnh đã đạt được trong năm học 2015-2016, tiếp tục tham mưu với UBND xã, phòng GD&ĐT hỗ trợ kinh phí xây dựng thêm phòng học để đảm bảo cho việc phân bổ học sinh theo quy định ở một số nhóm lớp trong những năm tiếp theo. Phân khu cụm học sinh đến lớp hợp lý để các nhóm lớp số học sinh đồng đều.

### 5.5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 2:**

Đội ngũ CBQL và giáo viên, nhân viên nhà trường đã không ngừng phấn đấu rèn luyện cả về sức khỏe, chuyên môn, nhận thức chính trị. Các đồng chí đều có sức khỏe tốt, được tập thể tin nhiệm thể hiện qua việc đánh giá CBQL hằng năm đạt từ hoàn thành tốt nhiệm vụ. Về trình độ chuyên môn đều đạt trình độ trên chuẩn và đã qua lớp bồi dưỡng CBQL do ngành tổ chức. Đối với đội ngũ CBGV-NV nhà trường đều đạt trình độ chuyên môn từ trung học sư phạm trở lên, nhiều đồng chí đã tự học nâng cao trình độ đạt trình độ cao đẳng, đại học.

Chính vì vậy, trong thực hiện nhiệm vụ 100% CB, GV-NV được đánh giá hoàn thành và hoàn thành tốt nhiệm vụ. Nhiều đồng chí đạt giáo viên giỏi, CSTĐ các cấp và có nhiều SKKN qua thẩm định của ngành đã được áp dụng trong thực tế giảng dạy. Trong 5 năm qua nhà trường luôn đạt danh hiệu tập thể LĐTĐ, LĐXS, cơ quan văn hóa cấp huyện, trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1

Tuy nhiên, nhà trường vẫn còn một số giáo viên thực hiện việc đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng CNTT vào bài dạy đôi khi còn hạn chế... Việc tự học nâng cao nhận thức về chính trị, chuyên môn của một số ít giáo viên chưa sáng tạo, phần lớn giáo viên chưa qua lớp đào tạo lý luận chính trị. Số lượng nhân viên và chế độ đóng BHXH cho nhân viên chưa đạt.

Vì vậy, trong những năm học tới nhà trường quyết tâm phấn đấu, phát huy những thế mạnh và khắc phục điểm yếu như: Có kế hoạch nâng cao về nhận thức chính trị cho CBGV, tạo điều kiện cho CBGV được học để nâng cao trình độ, không ngừng cải tiến, nâng cao về chất lượng dạy và học đối với giáo viên và học sinh, quyết tâm giữ vững những thành tích mà nhà trường đã đạt được.

\* Số lượng các chỉ số đạt yêu cầu: 13/15 (chỉ số a và c tiêu chí 4 không đạt)

\* Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 4/5 (tiêu chí 4 không đạt).

+ Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 5

+ Số tiêu chí đạt: 4

+ Số tiêu chí không đạt: 1

**Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi**

**Mở đầu:**

Trường Mầm non Phúc Sơn có tổng diện tích đất là 6000m<sup>2</sup>, khuôn viên và các công trình đảm bảo theo quy định. Diện tích sân, vườn, phòng học, hiên chơi, phòng giáo dục thể chất, bếp ăn và các phòng chức năng đảm bảo theo quy định. Có đủ trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo Thông tư 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/02/2010 và Thông tư 34/2013/TT-BGDĐT ngày 17/9/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Tiêu chí 1: Diện tích, khuôn viên và các công trình của nhà trường theo**



**quy định tại Điều lệ trường mầm non.**

a) Có đủ diện tích đất hoặc diện tích sàn sử dụng theo quy định, các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;

b) Có biển tên trường, khuôn viên có tường, rào bao quanh;

c) Có nguồn nước sạch và hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh.

#### 1.1. Mô tả hiện trạng

Trường có biên bản bàn giao mặt bằng sử dụng đất với tổng diện tích 2 khu  $6000\text{m}^2$  đạt tỷ lệ bình quân  $16\text{m}^2/\text{trẻ}$  [H1-1-02-04]; Các công trình của nhà trường đều được xây dựng kiên cố và bán kiên cố, có hồ sơ thiết kế xây dựng [H3-3-01-01].

Trường có biển tên trường, khuôn viên có tường rào chắn bao quanh đảm bảo chắc chắn, an toàn [H3-3-01-02];

Nhà trường có nguồn nước giếng khoan với độ sâu 50m đảm bảo tiêu chuẩn nước sạch, có giấy chứng nhận nước sạch đảm bảo tiêu chuẩn; có hệ thống cống rãnh an toàn, hợp vệ sinh [H3-3-01-03]; [H1-1-04-01]

#### 1.2. Điểm mạnh

Nhà trường có khuôn viên bằng phẳng, có diện tích đất đảm bảo bình quân  $16\text{m}^2/\text{trẻ}$ , các công trình của trường đều được xây dựng kiên cố và bán kiên cố. trường có biển tên trường, có tường rào chắc chắn, có nguồn nước đảm bảo tiêu chuẩn nước sạch, có hệ thống cống rãnh thoát nước an toàn hợp vệ sinh.

#### 1.3. Điểm yếu

Không có điểm yếu

#### 1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy điểm mạnh, hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch cải tạo, sửa chữa công trường, hệ thống cống rãnh, nguồn nước sạch đảm bảo công trường luôn sạch đẹp và nguồn nước luôn sạch sẽ, an toàn. Kinh phí từ nguồn XHHGD.

#### 1.5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt

***Tiêu chí 2: Sân, vườn và khu vực cho trẻ chơi bảo đảm yêu cầu.***

*a) Diện tích sân chơi được quy hoạch, thiết kế phù hợp, có cây xanh tạo bóng mát;*

*b) Có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, giúp trẻ khám phá, học tập;*

*c) Khu vực trẻ chơi ngoài trời được lát gạch, láng xi măng hoặc trồng thảm cỏ; có ít nhất 5 loại đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non.*

**2.1. Mô tả hiện trạng**

Sân chơi của trường được lát gạch có diện tích 3.000m<sup>2</sup> bằng 50% diện tích mặt bằng của nhà trường và được quy hoạch, thiết kế bằng phẳng đảm bảo phù hợp với trẻ, có sân bóng đá mini cho trẻ chơi, sân chơi an toàn giao thông, vườn cổ tích, khu vui chơi phát triển vận động, khu vui chơi các trò chơi dân gian....có cây xanh tạo bóng mát [H3-3-02-01]; [H3-3-01-01]

Vườn trường được quy hoạch phù hợp với khuôn viên có bồn hoa, chậu cảnh, cây xanh, cây xanh được phân khu cho từng nhóm, lớp để trẻ được chăm sóc, khám phá và học tập [H3-3-02-02].

Khu vực vui chơi của trẻ đã quy hoạch hợp lý, khoa học được lát gạch đảm bảo an toàn, mỗi sân chơi có trên 10 loại đồ chơi ngoài trời theo danh mục đồ chơi ngoài trời của trường mầm non, các đồ chơi ngoài trời đều đảm bảo an toàn, đẹp [H3-3-02-03]; [H3-3-02-04].

**2.2. Điểm mạnh**

Nhà trường có diện tích sân chơi đảm bảo theo quy định, được quy hoạch và thiết kế phù hợp với nhu cầu vui chơi của trẻ; Có nhiều sân chơi được phân theo từng khu vực; Có nhiều loại đồ chơi ngoài trời đảm bảo tính thẩm mỹ, an toàn, mẫu mã, kích thước phù hợp với trẻ. Có cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát được cắt tỉa thường xuyên; Vườn cây, bồn cây được trồng các loại cây gần gũi với trẻ, đảm bảo môi trường “Xanh-sạch-đẹp” và phù hợp với hoạt động của trẻ.

**2.3. Điểm yếu**

Cỏ tự nhiên tự trồng sân chơi vận động chưa đẹp.



#### 2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phát huy điểm mạnh đã có, từ năm học 2016-2017 nhà trường tích cực tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện, phối hợp với Ban đại diện hội cha mẹ học sinh đầu tư kinh phí để bổ sung, mua sắm, đồ chơi ngoài trời, mua cỏ nhật để trồng. Nhà trường thực hiện kế hoạch sửa chữa đồ chơi ngoài trời hàng năm đảm bảo đẹp và an toàn. Hàng năm, giao cho một đồng chí Phó hiệu trưởng phân khu cho các nhóm lớp để giáo viên hướng dẫn trẻ chăm sóc, quan sát, khám phá. Dự kiến kinh phí khoảng 50 triệu/năm học.

#### 2.5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt

**Tiêu chí 3: Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ và hiên chơi bảo đảm yêu cầu.**

a) Phòng sinh hoạt chung (có thể dùng làm nơi tổ chức ăn, ngủ cho trẻ) bảo đảm các yêu cầu theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, có đủ đồ dùng, đồ chơi, học liệu cho trẻ hoạt động; có tranh ảnh, hoa, cây cảnh trang trí đẹp, phù hợp;

b) Phòng ngủ bảo đảm diện tích trung bình cho một trẻ và có các thiết bị theo quy định tại Điều lệ trường mầm non;

c) Hiên chơi (vừa có thể là nơi tổ chức ăn trưa cho trẻ) bảo đảm quy cách và diện tích trung bình cho một trẻ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; lan can của hiên chơi có khoảng cách giữa các thanh gióng đứng không lớn hơn 0,1m.

#### 3.1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có 14 phòng làm phòng học cũng là phòng sinh hoạt chung và phòng ngủ, mỗi phòng có diện tích 60m<sup>2</sup>/phòng đạt trung bình 2m<sup>2</sup>/trẻ, các nhóm, lớp đều có nhà kho, các phòng đều được lát gạch men; Có đủ bàn ghế cho giáo viên và học sinh; Có các loại tranh ảnh, hoa, cây cảnh được trang trí theo từng chủ đề phù hợp với trẻ theo từng độ tuổi. Các trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi, học liệu cho trẻ hoạt động đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H3-3-01-01]; [H3-3-03-01].

Nhà trường có 14 phòng làm phòng học cũng là phòng sinh hoạt chung và

phòng ngủ [H3-3-03-01].

Các phòng học đều có hiên chơi rộng  $2,1\text{m}^2$ . Diện tích trung bình  $0,3\text{m}^2/\text{trẻ}$ , hiên chơi có lan can bao quanh cao 120cm, khoảng cách giữa các thanh gióng đứng cách nhau 10cm [H3-3-03-02].

### 3.2. Điểm mạnh

Các phòng học đều là phòng kiên cố và bán kiên cố đảm bảo đủ diện tích theo quy định; Có các trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi, học liệu đảm bảo theo yêu cầu Thông tư 34/2013/TT-BDGDĐT của Bộ giáo dục và Đào Tạo; Hiên chơi đảm bảo an toàn có diện tích đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

### 3.3. Điểm yếu

Không có điểm yếu

### 3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phát huy những điểm mạnh, từ năm học 2016-2017 và những năm tiếp theo Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch sửa chữa các phòng học như sơn lại tường, rà soát và bổ sung, thay thế những hạng mục xuống cấp để đảm bảo lớp học luôn mới và an toàn. Nguồn kinh phí từ xã hội hóa và kinh phí nhà nước cấp.

### 3.5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt

***Tiêu chí 4: Phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật, bếp ăn, nhà vệ sinh theo quy định.***

a) Phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật có diện tích tối thiểu  $60\text{m}^2$ , có các thiết bị, đồ dùng phù hợp với hoạt động phát triển thẩm mỹ và thể chất của trẻ;

b) Có bếp ăn được xây dựng theo quy trình vận hành một chiều; đồ dùng nhà bếp đầy đủ, bảo đảm vệ sinh; kho thực phẩm có phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, bảo đảm các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm; có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn;

c) Có nhà vệ sinh cho trẻ, nhà vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên bảo đảm yêu cầu và thuận tiện cho sử dụng.

### 4.1. Mô tả hiện trạng



Nhà trường có phòng âm nhạc cũng là phòng thể chất diện tích 60m<sup>2</sup> được lát gạch đảm bảo thoáng mát, đủ ánh sáng và có các thiết bị, đồ dùng phù hợp để phát triển thẩm mỹ và thể chất cho trẻ [H3-3-04-01];

Bếp có diện tích 100m<sup>2</sup> được xây dựng theo quy trình bếp một chiều, có khu sơ chế, khu biến thức ăn sống, khu nấu ăn, phòng chia ăn, kho chứa thực phẩm; Có đủ đồ dùng như dụng cụ chế biến, bếp ga, tủ lạnh [H3-03-04-01]; [H3-3-04-02]; [H3-3-04-03], có hợp đồng mua bán thực phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho trẻ [H1-1-07-10]. Có giấy chứng nhận bếp ăn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1-07-11];

Phòng vệ sinh của trẻ gồm 03 phòng được xây dựng khép kín, có khu vệ sinh riêng cho nam, nữ với tổng diện tích là 130m<sup>2</sup>; Có 02 khu vệ sinh riêng dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên với diện tích 30m<sup>2</sup>. Các khu vệ sinh của trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên đều được xây dựng đảm bảo yêu cầu vệ sinh và phù hợp, thuận tiện cho sử dụng [H3-3-04-01].

#### 4.2. Điểm mạnh

Nhà trường có phòng giáo dục nghệ thuật, giáo dục thể chất đảm bảo diện tích và có đủ thiết bị đồ dùng cho trẻ học hoạt động, có bếp một chiều hợp vệ sinh, có các thiết bị, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn theo yêu cầu, có giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm; Có các khu vệ sinh riêng cho học sinh và cán bộ giáo viên được xây dựng sạch sẽ, đảm bảo các yêu cầu và thuận tiện khi sử dụng.

#### 4.3. Điểm yếu

Thiết bị tại bếp ăn còn hạn chế chưa có thiết bị hiện đại như: tủ sấy bát...

#### 4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy điểm mạnh, từ năm học 2016-2017 nhà trường có kế hoạch bổ sung các thiết bị nhà bếp hàng năm và nâng cấp, bổ sung thêm các thiết bị hiện đại để đảm bảo bếp luôn đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm dự kiến khoảng 30 triệu đến 40 triệu/năm. Làm tốt công tác XHHGD, tham mưu với cấp huyện hỗ trợ kinh phí.

#### 4.5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt

**Tiêu chí 5: Khối phòng hành chính quản trị bảo đảm yêu cầu.**

a) Văn phòng trường có diện tích tối thiểu 30m<sup>2</sup>, có bàn ghế họp và tủ văn phòng, có các biểu bảng cần thiết; phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có diện tích tối thiểu 15m<sup>2</sup>, có đầy đủ các phương tiện làm việc và bàn ghế tiếp khách; phòng hành chính quản trị có diện tích tối thiểu 15m<sup>2</sup>, có máy vi tính và các phương tiện làm việc;

b) Phòng y tế có diện tích tối thiểu 12m<sup>2</sup>, có các trang thiết bị y tế và đồ dùng theo dõi sức khỏe trẻ, có bảng thông báo các biện pháp tích cực can thiệp chữa bệnh và chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, trẻ béo phì, có bảng theo dõi tiêm phòng và khám sức khỏe định kỳ cho trẻ, có tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ;

c) Phòng bảo vệ, thường trực có diện tích tối thiểu 6m<sup>2</sup>, có bàn ghế, đồng hồ, bảng, sổ theo dõi khách; phòng dành cho nhân viên có diện tích tối thiểu 16m<sup>2</sup>, có tủ để đồ dùng cá nhân; khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên có đủ diện tích và có mái che.

**5.1. Mô tả hiện trạng**

Văn phòng nhà trường có diện tích 45m<sup>2</sup>, có đầy đủ bàn ghế văn phòng, có các bảng biểu theo quy định [H3-3-05-01]; Có 01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng Phó Hiệu trưởng diện tích mỗi phòng là 22m<sup>2</sup>[H3-3-05-01]; [H3-3-05-02], trong phòng có đủ trang thiết bị làm việc và bàn ghế tiếp khách được sắp xếp gọn gàng, sạch sẽ và khoa học; phòng hành chính với diện tích 15m<sup>2</sup> có đầy đủ máy tính, bàn ghế, tài liệu [H3-3-05-01]; [H3-3-05-03].

Phòng Y tế có diện tích 22m<sup>2</sup>, có các trang thiết bị y tế và đồ dùng theo dõi sức khỏe trẻ như tủ thuốc, bông băng, gạc và một số loại thuốc thông thường như thuốc hạ nhiệt, dầu gió; Có bảng thông báo trẻ suy dinh dưỡng; có hồ sơ theo dõi sức khỏe của trẻ và kế hoạch khám sức khỏe định kỳ, có tranh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe và tiêm chủng phòng bệnh cho trẻ. Hàng năm, có Kế hoạch khám sức khỏe và kế hoạch tuyên truyền chăm sóc sức khỏe cho trẻ [H3-3-05-04]; [H3-3-05-05]; [H3-3-05-06].

Phòng bảo vệ có diện tích 15m<sup>2</sup>. Trong phòng có giường, bàn ghế, đồng



hồ [H3-3-05-01]. Trường có 2 khu để xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên có diện tích 75m<sup>2</sup> có mái che bằng tôn đảm bảo quy định [H3-3-05-01]; [H3-3-05-02]

### 5.2. Điểm mạnh

Nhà trường có văn phòng, phòng Hiệu trưởng, phòng Phó Hiệu trưởng, phòng Y tế, phòng bảo vệ và phòng nhân viên đảm bảo đủ diện tích. Các phòng đều có bàn ghế, trang thiết bị phù hợp với chức năng của từng phòng. Nhà xe đảm bảo đủ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên để xe đảm bảo an toàn.

### 5.3. Điểm yếu

Phòng Phó hiệu trưởng còn thiếu bàn ghế tiếp khách, tranh tuyên truyền trong phòng y tế còn chưa phong phú.

### 5.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phát huy những điểm mạnh mà trường đã đạt được đồng thời trong năm học 2016-2017 nhà trường trích kinh phí từ ngân sách mua bổ sung bàn, ghế cho phòng Phó hiệu trưởng. Dự kiến kinh phí khoảng 10 triệu đồng. Phối hợp với trung tâm y tế của xã để sưu tầm, bổ sung cho phòng y tế những tranh ảnh tuyên truyền về chăm sóc giáo dục, tranh ảnh về các bệnh truyền nhiễm.

### 5.5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt

**Tiêu chí 6: Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo Tiêu chuẩn kỹ thuật Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non.**

a) Có đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo quy định và sử dụng có hiệu quả trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục quy định phải bảo đảm tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

c) Hằng năm sửa chữa, thay thế, bổ sung, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi.

### 6.1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có đủ thiết bị, đồ chơi, đồ dùng cá nhân theo quy định và sử dụng có hiệu quả trong chăm sóc, giáo dục trẻ theo hướng dẫn tại Thông tư 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/02/2010 và Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và đào tạo ngày 17 tháng 9 năm 2013 về việc Ban hành danh mục

đồ dùng và sửa đổi, bổ sung đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H3-3-06-01]; [H1-1-02-03];

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục quy định đều đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ [H3-3-06-01];

Hàng năm nhà trường có kế hoạch mua sắm, bổ sung, sửa chữa, nâng cấp thiết bị đồ dùng cho việc dạy và học [H3-3-06-02], Có sổ sách, chứng từ kế toán chi cho sửa chữa, mua sắm thiết bị đồ dùng, đồ chơi [H1-1-03-12]. Hàng năm có biên bản kiểm kê tài sản, đồ dùng nhóm lớp [H3-3-06-03].

#### 6.2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các thiết bị, đồ chơi, đồ dùng cá nhân theo qui định (Theo hướng dẫn tại thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/2/2010 và Thông tư 34/2013/TT-BGDĐT ngày 17/9/2013 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành và sửa đổi danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non) và sử dụng thiết bị, đồ chơi, đồ dùng cá nhân có hiệu quả; Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục quy định đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ; Có kế hoạch về việc bảo quản, thay thế, sửa chữa, bổ sung phù hợp.

#### 6.3. Điểm yếu

1 số đồ dùng, đồ chơi tự tạo có giá trị sử dụng lâu dài còn hạn chế, phạm vi sử dụng chưa được rộng rãi.

#### 6.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy điểm mạnh, trong năm học 2016-2017 và những năm tiếp theo nhà trường chỉ đạo giáo viên nâng cao ý thức trách nhiệm để bảo quản, sử dụng đồ dùng, đồ chơi đạt hiệu quả; rà soát, kiểm kê và có kế hoạch sửa chữa, thay thế mua sắm thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, tổ chức thi “triển lãm đồ dùng, đồ chơi” 1 lần/ năm học để đảm có đủ đồ dùng, đồ chơi theo quy định và đảm bảo tính thẩm mỹ, chất lượng sử dụng, an toàn cho trẻ. Nguồn kinh phí từ xã hội hóa và kinh phí từ ngân sách. Dự kiến kinh phí khoảng 60 triệu đến 70 triệu đồng/năm.

#### 6.5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt



### **Kết luận về Tiêu chuẩn 3:**

Nhà trường có diện tích đất sử dụng 6.000m<sup>2</sup>, khuôn viên sạch đẹp, có cổng, biển trường và tường rào bao quanh. Trường có sân chơi, vườn và khu vực vui chơi ngoài trời cho trẻ đảm bảo yêu cầu. Có đủ phòng học đúng quy cách theo quy định Điều lệ trường Mầm non, hiên chơi đảm bảo quy định. Có các phòng chức năng để cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhà trường tham gia tốt hoạt động quản lý giáo dục, chăm sóc nuôi dưỡng học sinh. Có đủ đồ chơi ngoài trời, có các trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Công tác quản lý tài sản đảm bảo đúng quy định, thường xuyên công khai theo định kỳ. Qua các năm cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường ngày càng được bổ sung, các thiết bị phục vụ dạy và học đảm bảo tiêu chuẩn của trường chuẩn Quốc gia.

Bên cạnh những ưu điểm trên, nhà trường vẫn còn những hạn chế là phòng y tế còn ít tranh tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe cho trẻ, về các bệnh truyền nhiễm, các bệnh theo mùa; phòng Phó hiệu trưởng chưa có bàn, ghế tiếp khách.

Nhà trường sẽ tiếp tục chỉ phát huy tối đa những thế mạnh đồng thời có biện pháp khắc phục những tồn tại, những khó khăn, quyết tâm hoàn thành chỉ tiêu nhiệm vụ năm học 2016-2017 và những năm tiếp theo.

\* Số lượng các chỉ số đạt yêu cầu: 15/15

\* Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6

+ Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 6

+ Số tiêu chí đạt: 6

+ Số tiêu chí không đạt: 0

### **Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

#### **Mở đầu:**

Trong những năm học qua, nhà trường rất chú trọng đến mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; Ban đại diện cha mẹ học sinh được kiện toàn hàng năm và hoạt động có hiệu quả góp phần không nhỏ vào việc nâng cao chất lượng giáo dục. Ban đại diện được tổ chức hoạt động trên cơ sở Điều lệ Ban đại

diện cha mẹ học sinh, cùng với nhà trường chia sẻ những khó khăn, hỗ trợ các hoạt động giáo dục. Công tác phối hợp với các đoàn thể trong và ngoài nhà trường được quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi cho nhà trường hoàn thành tốt công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

***Tiêu chí 1: Nhà trường chủ động phối hợp với cha mẹ trẻ để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.***

*a) Có Ban đại diện cha mẹ trẻ em theo quy định tại Điều lệ trường mầm non;*

*b) Có các biện pháp và hình thức phù hợp để tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ trẻ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ khi ở nhà;*

*c) Giáo viên phụ trách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và gia đình thường xuyên trao đổi thông tin về trẻ.*

#### 1.1. Mô tả hiện trạng

Vào đầu năm học hàng năm nhà trường tổ chức họp phụ huynh học sinh để bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh theo đúng điều lệ. Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh toàn trường có trưởng ban, phó ban và các ủy viên và hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh do Bộ GD&ĐT ban hành [H4-4-01-01]; [H4-4-01-02]. Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động thực hiện theo Thông tư 55/2011 về việc ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện xây dựng Quy chế hoạt động và có báo cáo về hoạt động theo nhiệm vụ và tình hình thực tế từng năm học [H4-4-01-03]; [H4-4-01-04].

Nhà trường thường xuyên có sự trao đổi trực tiếp giữa giáo viên với phụ huynh thông qua các buổi họp; qua giờ đón trả trẻ; qua các góc tuyên truyền của các lớp .... để trao đổi thông tin về tình hình học tập, vui chơi của trẻ tại trường, lớp. Từ đó có biện pháp phối hợp chặt chẽ với cha mẹ trẻ trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ khi ở nhà [H4-4-01-05]; [H4-4-01-06]; [H4-4-01-07].

Giáo viên thường xuyên trao đổi với gia đình trẻ Hàng ngày, giáo viên theo dõi nề nếp học tập, chuyên cần của trẻ để đánh giá vào sổ theo dõi của lớp. Hàng quý, giáo viên chủ nhiệm tổng hợp kết quả theo dõi đánh giá tình trạng sức khỏe của trẻ vào sổ theo dõi để có kết quả báo cáo với nhà trường và cha mẹ học



sinh. Trên cơ sở đó giáo viên trao đổi thông tin học tập, sức khỏe, tình hình ăn ngủ và các hoạt động khác bằng cách gặp trực tiếp, qua điện thoại [H4-4-01-08]; [H4-4-01-09]; [H1-1-04-01].

### 1.2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường, các lớp được thành lập ngay từ đầu năm học theo đúng điều lệ, hoạt động có hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong công tác chăm sóc giáo dục học sinh.

### 1.3. Điểm yếu

Hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh đôi khi chưa chủ động, còn phụ thuộc vào nhà trường. Một số giáo viên kỹ năng tuyên truyền còn hạn chế

### 1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp cho giáo viên, thường xuyên kiểm tra nội dung tuyên truyền.

Duy trì hoạt động thường xuyên của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Thường xuyên trao đổi, thống nhất với cha mẹ trẻ để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ. Nhà trường chủ động hướng dẫn, phối hợp với ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh ngay trong năm học 2016-2017 và những năm học tiếp theo.

### 1.5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt

***Tiêu chí 2: Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương.***

a) Chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương ban hành chính sách phù hợp để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ;

b) Phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để huy động các nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường;

c) Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ.

### 2.1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm nhà trường chủ động có kế hoạch tham mưu, lập tờ trình lên UBND xã, phòng Giáo dục và Đào tạo để tham mưu tu sửa, bổ sung trang thiết bị hàng năm cho nhà trường nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trẻ [H4-4-02-01].

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể cá nhân ở địa phương nhằm huy động các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ thông qua quyết định đồng ý cho phép XHHGD của chính quyền địa phương [H4-4-02-02].

Phối hợp các đoàn thể từ xã đến thôn cùng chăm sóc giáo dục trẻ. Trong các năm học, nhà trường đã phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân ở địa phương để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ [H4-4-02-03]; [H4-4-02-04].

## 2.2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường, các lớp được thành lập ngay từ đầu năm học theo đúng điều lệ, hoạt động có hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong công tác chăm sóc giáo dục học sinh.

## 2.3. Điểm yếu

Hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh đôi khi chưa chủ động, còn phụ thuộc vào nhà trường. Một số giáo viên kỹ năng tuyên truyền còn hạn chế.

## 2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục làm tốt hơn công tác xã hội hóa giáo dục Duy trì hoạt động thường xuyên của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Thường xuyên trao đổi, thống nhất với cha mẹ trẻ để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ. Nhà trường chủ động hướng dẫn, phối hợp với ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh ngay trong năm học 2016-2017 và những năm học tiếp theo.

## 2.5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 4:**

Nhà trường luôn tích cực, chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính



quyền địa phương để có chính sách phù hợp nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ; xây dựng được mối quan hệ tích cực, hiệu quả giữa các lực lượng giáo dục, giữa các tổ chức đoàn thể, nhân dân địa phương, đặc biệt là phát huy tốt vai trò của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Sự tham gia phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và phụ huynh trong công tác XHHGD đã huy động được các nguồn lực về vật chất, tinh thần. Tạo điều kiện thuận lợi để nhà trường làm tốt công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

\* Số lượng các chỉ số đạt yêu cầu: 12/12.

\* Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2.

+ **Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 2**

+ **Số tiêu chí đạt: 2**

+ **Số tiêu chí không đạt: 0**

**Tiêu chuẩn 5: Kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ**

**Mở đầu:**

“Nâng cao chất lượng CSGD trẻ” là mục tiêu chính của nhà trường trong suốt các năm học vừa qua. Nhà trường chú trọng quan tâm chăm sóc sức khỏe, đảm bảo trẻ có chiều cao cân nặng mức phát triển bình thường. Trẻ thực hiện được các vận động cơ bản theo yêu cầu lứa tuổi, chú ý phát triển ngôn ngữ, tăng cường khả năng tư duy nhận thức cho trẻ. Từ đó hình thành cho trẻ những nề nếp thói quen tốt trong sinh hoạt cũng như trong học tập, lao động: Giữ gìn vệ sinh nơi công cộng, chấp hành những quy định giao thông đơn giản... Trẻ mạnh dạn tự tin chủ động tham gia các hoạt động. Từ đó giúp nhà trường thực hiện tốt mục tiêu phát triển toàn diện cho trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ, tình cảm và kỹ năng xã hội, tạo nền tảng vững chắc cho trẻ bước vào lớp 1.

***Tiêu chí 1: Trẻ có sự phát triển về thể chất phù hợp với độ tuổi.***

*a) Chiều cao, cân nặng phát triển bình thường;*

*b) Thực hiện được các vận động cơ bản, có khả năng phối hợp các giác quan và vận động;*

*c) Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ, vệ sinh cá*

*nhân, có kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe.*

### 1.1. Mô tả hiện trạng

100% trẻ đến trường được theo dõi sức khỏe qua biểu đồ tăng trưởng và khám sức khỏe định kỳ 2 lần /năm. Số trẻ có cân nặng phát triển bình thường theo độ tuổi chiếm từ 94% - 96%, tỷ lệ trẻ có chiều cao phát triển bình thường theo độ tuổi chiếm từ 91% - 95% [H1-1-02-03]; [H5-5-01-01].

100% trẻ trong nhà trường đều được tham gia thực hiện các vận động cơ bản theo chương trình phát triển thể chất của từng độ tuổi. 92% - 99% trẻ đạt được các chỉ số về: Các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp, các vận động cơ bản và phát triển tổ chức vận động ban đầu, các cử động của bàn tay, ngón tay, có sự phối hợp các giác quan và vận động cơ bản: đi, chạy, nhảy, bò, trườn, trèo, ném, bắt.... phù hợp với từng độ tuổi [H5-5-01-02]; [H5-5-01-03].

Đa số trẻ có khả năng tự phục vụ một số hoạt động đơn giản như: Trẻ biết tự phục vụ trong ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân... Trẻ đến lớp biết tự cầm thìa, cầm bát xúc ăn, tự cầm cốc uống nước, biết thao tác rửa tay, lau mặt, mặc quần áo phù hợp theo mùa đảm bảo sức khỏe [H5-5-01-02]; [H5-5-01-03].

### 1.2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn làm tốt công tác chăm sóc giáo dục trẻ: Đa số trẻ khỏe mạnh, số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân thấp còi mức độ 1 thấp, không có trẻ suy dinh dưỡng nặng, thấp còi mức độ 2. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm xuống 4%. Trẻ có nhiều cơ hội được tham gia các hoạt động. Trẻ thực hiện tốt các vận động cơ bản, có kỹ năng khéo léo phù hợp với độ tuổi. Trẻ đạt các chỉ số về các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp, các vận động cơ bản và phát triển tổ chức vận động ban đầu, các cử động của bàn tay, ngón tay và phối hợp tay, mắt theo kết quả mong đợi về giáo dục thể chất của Chương trình Giáo dục mầm non. Trẻ có một số kỹ năng tốt trong ăn, ngủ, giữ gìn sức khỏe phù hợp với độ tuổi.

### 1.3. Điểm yếu

Còn từ 4% trẻ suy dinh dưỡng và 4,3% thấp còi. Một số trẻ nhà trẻ, mẫu giáo 3-4 tuổi còn nhỏ nên kỹ năng tự phục vụ còn hạn chế.

### 1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng



Tiếp tục phát huy các điểm mạnh, nhà trường phối hợp chặt chẽ với phụ huynh hơn trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ, nhà trường thực hiện tốt kế hoạch phục hồi dinh dưỡng nhằm nâng cao thể trạng cho trẻ suy dinh dưỡng ở thể thấp còi và nhẹ cân, tổ chức buổi họp riêng với những gia đình có trẻ suy dinh dưỡng và xây dựng thực đơn mẫu để gia đình thực hiện theo thực đơn. Thường xuyên hướng dẫn kỹ năng tự phục vụ cho trẻ nhà trẻ và trẻ 3 tuổi. Nhà trường chỉ đạo giáo viên tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ một cách hợp lý, khoa học để trẻ trong toàn trường nói chung, trẻ nhà trẻ, mẫu giáo 3 - 4 tuổi nói riêng được tham gia các hoạt động thực hành, trải nghiệm... nhằm hình thành các kỹ năng tự phục vụ.

#### 1.5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt

##### ***Tiêu chí 2: Trẻ có sự phát triển về nhận thức phù hợp với độ tuổi.***

*a) Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh;*

*b) Có sự nhạy cảm, có khả năng quan sát, ghi nhớ, so sánh, phán đoán, phát hiện và giải quyết vấn đề;*

*c) Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân, về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm.*

#### 2.1. Mô tả hiện trạng

100% các cháu trong nhà trường được tham gia vào các hoạt động tìm hiểu khám phá thế giới xung quanh thông qua các hoạt động học tập, vui chơi. Trên 95% trẻ thích tìm hiểu khám phá đồ vật, sự vật, hiện tượng xung quanh trẻ [H5-5-01-02];[H5-5-01-03].

Thông qua hoạt động học, hoạt động vui chơi, hoạt động ngoài trời... phát triển ở trẻ khả năng quan sát, ghi nhớ, so sánh, phán đoán phát hiện và giải quyết vấn đề phù hợp với độ tuổi. 95% trẻ có khả năng quan sát, ghi nhớ, so sánh, phán đoán, phát hiện và giải quyết vấn đề phù hợp với độ tuổi [H5-5-01-02]; [H5-5-01-03].

Trẻ có một số hiểu biết ban đầu về bản thân, con người, sự vật hiện tượng xung quanh và một số khái niệm phù hợp với độ tuổi được tổng hợp đánh giá sự phát triển của trẻ hàng năm. 100% trẻ thích tham gia tìm hiểu, khám phá thế giới

xung quanh và có sự hiểu biết ban đầu về bản thân, về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh qua quan sát thực tế. Hàng năm, bình quân 89% - 98% trẻ trong trường có những hiểu biết ban đầu về bản thân: Tên gọi, giới tính, sở thích cách ăn mặc, bố mẹ, ông bà, anh chị em, địa chỉ gia đình, tên trường, tên lớp, tên bạn bè và cô giáo; hiểu biết về con người và các sự vật hiện tượng xung quanh và một số khái niệm phù hợp với độ tuổi theo kết quả mong đợi của Chương trình giáo dục mầm.... [H5-5-01-02]; [H5-5-01-03].

## 2.2. Điểm mạnh

Đa số trẻ khỏe mạnh, mạnh dạn tự tin thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. Trẻ biết phối hợp các giác quan khác nhau và vô cùng hào hứng, sôi nổi khi tham gia vào các hoạt động khám phá, trải nghiệm để phát hiện ra những điều mới lạ từ thế giới xung quanh. Sự nhạy cảm của trẻ, khả năng quan sát, ghi nhớ, so sánh, phán đoán và giải quyết vấn đề bộc lộ rõ khi trẻ được chủ động tham gia các hoạt động. Trẻ có hiểu biết ban đầu về bản thân, về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm khác.

## 2.3. Điểm yếu

Vẫn còn một số trẻ chưa mạnh dạn tự tin trong quá trình tham gia vào hoạt động, khả năng phán đoán, phát hiện giải quyết vấn đề còn chậm.

## 2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phát huy tối đa những điểm mạnh, đồng thời chỉ đạo giáo viên cần chú ý nhiều đến những trẻ nhút nhát, trẻ chưa có khả năng phán đoán và giải quyết vấn đề thông qua việc tạo nhiều cơ hội cho trẻ khi được tham gia hoạt động trải nghiệm, khám phá sự vật, hiện tượng xung quanh.

Phát huy những điểm tích cực đã đạt được, bên cạnh đó trong năm học 2016-2017 Nhà trường cần khắc phục hạn chế tồn tại bằng cách bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên để giáo viên biết tạo cho trẻ môi trường thân thiện, để trẻ thể hiện bản thân, đồng thời phải có biện pháp kích thích trẻ tạo cho trẻ sự tự tin thể hiện khả năng của mình trong việc phán đoán, phát hiện và giải quyết các vấn đề. Thực hiện dạy học theo phương pháp lấy trẻ làm trung tâm, đổi mới hoạt động tạo cơ hội cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi khám phá. Xây



dựng môi trường hoạt động phong phú gần gũi cho trẻ hoạt động.

## 2.5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt

***Tiêu chí 3: Trẻ có sự phát triển về ngôn ngữ phù hợp với độ tuổi.***

- a) Nghe và hiểu được các lời nói trong giao tiếp hằng ngày;*
- b) Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết, tình cảm, thái độ bằng lời nói;*
- c) Có một số kỹ năng ban đầu về đọc và viết.*

### 3.1. Mô tả hiện trạng

Đa số các cháu trong nhà trường có khả năng nghe và hiểu được lời nói trong giao tiếp hằng ngày giữa cô và trẻ, giữa trẻ với các bạn, trẻ và người lớn xung quanh trẻ phù hợp với độ tuổi... [H5-5-01-02]; [H5-5-01-03].

Đa số các cháu trong nhà trường có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng lời nói hoặc cử chỉ phù hợp với độ tuổi. Trẻ biết sử dụng lời để giao tiếp với mọi người xung quanh, biết sử dụng giọng nói phù hợp với điều kiện hoàn cảnh [H5-5-01-02]; [H5-5-01-03].

Trẻ nhận biết và phát âm được các chữ cái tiếng việt (5-6 tuổi), nhận dạng và tập tô chữ cái, biết chọn sách để xem, thích nghe đọc sách, biết cách mở lật trang sách, biết cách đọc sách từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới... [H1-5-01-02]; [H5-5-01-03].

### 3.2. Điểm mạnh

Hàng năm có trên 90% trẻ nghe và hiểu được các lời nói giao tiếp phù hợp với độ tuổi. Trẻ có khả năng diễn đạt sự hiểu biết, tình cảm, thái độ bằng lời nói, cử chỉ phù hợp, trẻ biết sử dụng lời nói để giao tiếp. Nhà trường chú trọng xây dựng môi trường giao tiếp đa chiều, lành mạnh, cởi mở giữa cô và trẻ, giữa trẻ và cô giúp trẻ củng cố ngôn ngữ, mở rộng vốn từ, tăng cường khả năng giao tiếp, giúp trẻ mạnh dạn tự tin trong cuộc sống.

### 3.3. Điểm yếu

Một số trẻ chưa mạnh dạn tự tin trong giao tiếp nên ảnh hưởng đến sự phát triển ngôn ngữ.

Một số trẻ nói nhỏ, nói ngọng "l, n";

### 3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường tổ chức các hoạt động, tạo nhiều cơ hội cho trẻ được trải nghiệm, khám phá. Chú ý phát triển ngôn ngữ cá nhân từng trẻ.

Tạo nhiều cơ hội để trẻ giao tiếp, mạnh dạn tự tin khi giao tiếp thúc đẩy ngôn ngữ của trẻ phát triển. Cô giáo và phụ huynh cần chú ý tới sự phát triển ngôn ngữ cho trẻ, sửa ngọng "l, n" cho trẻ; Giáo viên luôn chú ý rèn luyện cách phát âm chuẩn của mình để sửa sai cho cháu.

### 3.5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt

***Tiêu chí 4: Trẻ có sự phát triển về thẩm mỹ phù hợp với độ tuổi.***

- a) *Chủ động, tích cực, hứng thú tham gia các hoạt động văn nghệ;*
- b) *Có một số kỹ năng cơ bản trong hoạt động âm nhạc và tạo hình;*
- c) *Có khả năng cảm nhận và thể hiện cảm xúc trong các hoạt động âm nhạc và tạo hình.*

### 4.1. Mô tả hiện trạng

Trẻ chủ động, tích cực, hứng thú tham gia vào các hoạt động văn nghệ của lớp của trường tổ chức. Các cháu luôn hào hứng tham gia vào giờ hoạt động âm nhạc, các buổi biểu diễn văn nghệ chiều thứ 6 hàng tuần, các hoạt động ngày lễ hội, các hội thi... do nhà trường tổ chức [H5-5-04-01].

Trẻ có kỹ năng cơ bản về âm nhạc và tạo hình: Trẻ hát đúng lời ca, đúng giai điệu của bài hát. Trẻ cảm nhận được giai điệu của bài hát, biết vận động minh họa bài hát; biết tô màu, biết vẽ các nét cơ bản: nét thẳng, nét xiên, nét cong, nét tròn tạo thành bức tranh; xé cắt các đường thẳng dán thành sản phẩm. Biết một số kỹ năng nặn: xoay tròn, ấn dẹt, làm lõm, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để tạo thành một sản phẩm tạo hình, 90-98% trẻ có kỹ năng cơ bản về âm nhạc và tạo hình phù hợp với độ tuổi [H5-5-04-02]; [H5-5-01-02]; [H5-5-01-03].

90-98% trẻ yêu thích cái đẹp và mong muốn tạo ra cái đẹp, có khả năng cảm nhận và thể hiện trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. Trẻ thích thú trước các sản phẩm tạo hình, cảm nhận được màu sắc, bố cục của bức tranh ... phù hợp



với độ tuổi [H5-5-01-02]; [H5-5-01-03].

#### 4.2. Điểm mạnh

Đa số trẻ tích cực hứng thú tham gia các hoạt động văn nghệ. Trẻ có một số kỹ năng cơ bản về âm nhạc, tạo hình, có khả năng cảm nhận và thể hiện cảm xúc trong các hoạt động âm nhạc và tạo hình phù hợp với độ tuổi, mạnh dạn tự tin thể hiện cảm xúc của mình trong các hoạt động văn nghệ.

#### 4.3. Điểm yếu

Một số trẻ nhút nhát không hào hứng với hoạt động tạo hình và âm nhạc.

Khả năng cảm nhận và thể hiện cảm xúc trong hoạt động âm nhạc của một số trẻ còn nhiều hạn chế.

#### 4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường tổ chức các hoạt động, tạo cơ hội cho trẻ tích cực hứng thú tham gia các hoạt động, động viên khuyến khích trẻ, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động.

Bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng tổ chức các hoạt động âm nhạc, tạo hình cho giáo viên. Tăng cường công tác tự học, đặc biệt là tự học đàn để tổ chức các hoạt động âm nhạc cho trẻ.

#### 4.5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt

***Tiêu chí 5: Trẻ có sự phát triển về tình cảm và kỹ năng xã hội phù hợp với độ tuổi.***

a) Tự tin, biết bày tỏ cảm xúc và ý kiến cá nhân;

b) Thân thiện, chia sẻ, hợp tác với bạn bè trong các hoạt động sinh hoạt, vui chơi, học tập;

c) Mạnh dạn trong giao tiếp với những người xung quanh, lễ phép với người lớn.

#### 5.1. Mô tả hiện trạng

90% - 98% trẻ tự tin biết bày tỏ cảm xúc và ý kiến cá nhân phù hợp với độ tuổi. Trẻ biết thể hiện cảm xúc vui buồn, ngạc nhiên, lo lắng của bản thân với

người thân, cô giáo và bạn bè xung quanh. Biết nêu ý kiến của bản thân, đồng ý hoặc không đồng ý với mong muốn của bản thân phù hợp với độ tuổi [H5-5-01-02]; [H5-5-01-03].

90% - 98% trẻ thân thiện, gần gũi hòa đồng, biết chia sẻ, hợp tác với các bạn trong sinh hoạt, học tập và vui chơi. Trẻ biết hợp tác thoả thuận với bạn trong quá trình thực hiện các hoạt động, biết sở thích của bạn bè; biết nhường nhịn bạn bè trong quá trình chơi phù hợp với độ [H5-5-01-02]; H5-5-01-03].

90% - 98% trẻ mạnh dạn trong giao tiếp với mọi người xung quanh. gần gũi thân thiện với mọi người xung quanh [H5-5-01-02]; [H5-5-01-03].

## 5.2. Điểm mạnh

Trẻ mạnh dạn tự tin trong quá trình giao tiếp, đoàn kết với bạn bè, lễ phép với người lớn, biết thân thiện, chia sẻ, hợp tác với bạn bè trong các hoạt động học tập, vui chơi. Giáo viên duy trì và thực hiện tốt hoạt động chơi, trẻ biết điều chỉnh hành vi khi chơi với bạn, trẻ trở nên thân thiện, biết chia sẻ và hợp tác để hoàn thành với ý tưởng chơi, thoả mãn nhu cầu vui chơi của bản thân.

## 5.3. Điểm yếu

1 số trẻ chưa mạnh dạn bày tỏ cảm xúc và ý kiến cá nhân của mình khi tham gia các hoạt động.

## 5.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy những điểm mạnh, cần tăng cường tổ chức các hoạt động, chú ý tới nhóm trẻ, cá nhân trẻ chưa mạnh dạn, tạo cho trẻ nhiều cơ hội giao tiếp để giúp trẻ mạnh dạn bày tỏ cảm xúc và ý kiến cá nhân của mình khi tham gia các hoạt động.

Những năm tiếp theo, trong hoạt động hàng ngày, giáo viên cần quan tâm tới những trẻ nhút nhát, thường xuyên trò chuyện, tạo cơ hội cho những trẻ này được hoạt động trước tập thể, tổ chức giao lưu giữa các khối lớp vào các dịp lễ, hội. Thường xuyên tổ chức các hoạt động chung: chơi trò chơi, hát đồng dao, hội thi... trong đó chủ yếu là sự thể hiện của trẻ qua đó giúp trẻ có cơ hội thể hiện mình, trẻ tự tin tham gia các hoạt động. Tuyên truyền để cha mẹ trẻ hiểu hơn về sự cần thiết phải tạo cơ hội cho trẻ giao tiếp xung quanh để rèn luyện kỹ năng



sống cho trẻ.

#### 5.5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt

***Tiêu chí 6: Trẻ có ý thức về vệ sinh, môi trường và an toàn giao thông phù hợp với độ tuổi.***

*a) Có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường lớp học, gia đình và những nơi công cộng, có nề nếp, thói quen vệ sinh cá nhân;*

*b) Quan tâm, thích được chăm sóc, bảo vệ cây xanh và vật nuôi;*

*c) Có ý thức chấp hành những quy định về an toàn giao thông đã được hướng dẫn.*

#### 6.1. Mô tả hiện trạng

Trẻ có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, lớp học, gia đình và những nơi công cộng. Trẻ có nề nếp thói quen vệ sinh cá nhân, 95% trẻ có thói quen thực hiện một số nội qui quy định của gia đình, lớp học: cất đồ dùng, đồ chơi đúng nơi quy định, bỏ rác vào thùng rác, giữ gìn lớp học sạch sẽ. Trẻ biết ăn mặc gọn gàng, phù hợp theo mùa; biết đánh răng, rửa mặt, rửa tay, xúc miệng; tắm rửa thường xuyên phù hợp với lứa tuổi [H5-5-01-02]; [H5-5-01-03].

95% - 99% trẻ thích chăm sóc, bảo vệ cây xanh, quan tâm đến các con vật nuôi; Trẻ không ngắt lá, bẻ cành; biết lau lá, tưới cây, lau lá cây, nhặt lá vàng; biết chăm sóc vật nuôi... [H5-5-06-02]; [H5-5-01-02];[H5-5-01-03].

90% - 95% trẻ có ý thức chấp hành quy định về an toàn giao thông đã được hướng dẫn theo độ tuổi: Trẻ biết đi bên phải đường, đi theo tín hiệu đèn, ngồi xe đúng cách, không đi sang đường khi không có người lớn dắt. Khi ngồi xe mô tô phải đội mũ bảo hiểm, biết một số biển báo giao thông đơn giản... [H5-5-06-03]; [H5-5-01-02];[H5-5-01-03].

#### 6.2. Điểm mạnh

Đa số trẻ có ý thức vệ sinh môi trường, giữ gìn vệ sinh cá nhân, quan tâm, chăm sóc, bảo vệ cây xanh, chăm sóc, bảo vệ vật nuôi, có ý thức chấp hành quy định về an toàn giao thông đơn giản, nhà trường luôn tạo môi trường xanh- sạch- đẹp cho trẻ hoạt động và vui chơi. Thường xuyên tổ chức các buổi vui học an toàn giao thông, thông qua các hoạt động hàng ngày trong chương trình giáo dục

mầm non. Trẻ có kiến thức ban đầu về luật lệ ATGT, thực hiện tốt các kỹ năng như: Đi trên vỉa hè, đi về bên phải...

### 6.3. Điểm yếu

Còn 1 số trẻ nề nếp chưa tốt.

### 6.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường thường xuyên giáo dục và hình thành cho trẻ có kỹ năng, thói quen vệ sinh cá nhân, giữ gìn vệ sinh công cộng. Rèn cho trẻ có thói quen giữ vệ sinh chung ở mọi lúc, mọi nơi. Hình thành thói quen thực hiện một số nội quy quy định của gia đình, lớp học: Cất đồ dùng, đồ chơi đúng nơi quy định, bỏ rác vào thùng rác, giữ gìn lớp học sạch sẽ ăn mặc gọn gàng, phù hợp theo mùa, đánh răng, rửa mặt, rửa tay, xúc miệng, tắm rửa thường xuyên phù hợp với lứa tuổi.

Thường xuyên phối hợp với gia đình hình thành thói quen giữ vệ sinh môi trường, ý thức bảo vệ cây xanh, vật nuôi.

### 6.5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt

#### ***Tiêu chí 7: Trẻ được theo dõi và đánh giá thường xuyên.***

a) Tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đạt ít nhất 80% đối với miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo và đạt ít nhất 90% đối với các vùng khác; tỷ lệ chuyên cần của trẻ ở các độ tuổi khác đạt ít nhất 75% đối với miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo và đạt ít nhất 85% đối với các vùng khác;

b) Có ít nhất 98% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non;

c) Có 100% trẻ 5 tuổi được theo dõi đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi.

### 7.1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm 100% số trẻ học lớp Mẫu giáo 5 tuổi đi học đều duy trì sĩ số ổn định ở các lớp. Tỷ lệ chuyên cần đạt từ 90% trở lên. Các độ tuổi khác: Nhà trẻ, mẫu giáo 3 tuổi, mẫu giáo 4 tuổi đạt tỷ lệ chuyên cần từ 85 % đến 90% [H1-1-02-03].

Hàng năm 100 % trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non.; [H1-1-02-01]; [H5-5-07-02].

100% trẻ 5 tuổi được theo dõi, đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi



[H1-1-02-03]; [H1-1-04-01]; [H1-1-05-07]; [H5-5-087-03].

## 7.2. Điểm mạnh

Nhà trường chỉ đạo cán bộ giáo viên thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục mầm non; chuẩn bị tốt về tâm thế cho trẻ 5 tuổi trước khi vào lớp 1. 100% trẻ 5 tuổi được đánh giá theo bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi; 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non. Đội ngũ giáo viên trường có lòng yêu nghề, tận tâm, nhiệt tình, có trách nhiệm trong công việc chăm sóc giáo dục trẻ.

## 7.3. Điểm yếu

Tỷ lệ chuyên cần có tháng còn chưa cao phụ huynh chưa có ý thức cao trong việc đưa trẻ đi học đều đặc biệt khi trời rét hoặc gia đình phụ huynh có việc.

## 7.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục thực hiện nâng cao chất lượng trẻ 5 tuổi. Phát huy những kết quả đã đạt được, trong năm học 2016-2017 và những năm tiếp theo, nhà trường tuyên truyền các bậc phụ huynh đưa con em đi học đều, phấn đấu nâng tỷ lệ chuyên cần đạt từ 90-95% và duy trì 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non và được đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi.

## 7.5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt

**Tiêu chí 8: Trẻ suy dinh dưỡng, béo phì và trẻ khuyết tật được quan tâm chăm sóc.**

a) 100% trẻ bị suy dinh dưỡng được can thiệp bằng các biện pháp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng; có biện pháp hạn chế tốc độ tăng cân và bảo đảm sức khỏe cho trẻ béo phì;

b) Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng theo tuổi), thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) đều dưới 10%;

c) Ít nhất 80% trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ.

## 8.1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho trẻ, có biện pháp hạn chế tốc độ tăng cân của trẻ và đảm bảo sức khỏe cho trẻ bị béo phì, có kế hoạch

phục hồi dinh dưỡng cho trẻ hàng năm [ H5-5-08-01]; .

Nhà trường có số trẻ phát triển bình thường về chiều cao, cân nặng đạt từ 94% - 96%. Số trẻ em bị suy dinh dưỡng hàng năm giảm còn 6% - 4% [H1-1-04-01]; [H5-5-08-02].

Nhà trường có trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ được đánh giá có sự tiến bộ [H1-1-05-01]; [H1-1-02-01].

## 8.2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn quan tâm đến chế độ dinh dưỡng cho trẻ, thực hiện tính khẩu phần ăn trên phần mềm liên thông 3 cấp nên chế độ dinh dưỡng được tính toán phù hợp. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm, tỷ lệ trẻ phát triển bình thường hàng năm đều tăng. Nhà trường luôn thực hiện tốt công tác phối kết hợp với các ban ngành đoàn thể địa phương chăm lo cho giáo dục mầm non; tổ chức khám sức khỏe theo định kỳ 2 lần/năm, thực hiện tốt thông tin hai chiều giữa nhà trường và gia đình để nắm bắt tình hình sức khỏe của trẻ và có biện pháp chăm sóc trẻ phù hợp, kịp thời.

## 8.3. Điểm yếu

Một số trẻ thể chất yếu ảnh hưởng đến kế hoạch phục hồi dinh dưỡng.

## 8.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phát huy điểm mạnh và thực hiện tốt kế hoạch phục hồi cho trẻ suy dinh dưỡng, quan tâm đến chế độ ăn của trẻ, phối hợp chặt chẽ cùng gia đình trong việc chăm sóc sức khỏe cho trẻ.

## 8.5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 5:**

Trong những năm qua, nhà trường luôn làm tốt công tác chăm sóc giáo dục trẻ nên chất lượng dạy và học ngày được nâng cao, đặc biệt là chất lượng giáo dục toàn diện. Công tác tuyên truyền, giáo dục và chăm sóc sức khỏe ban đầu, biện pháp thực hiện vệ sinh, cách phòng chống dịch bệnh cho các cháu thường xuyên quan tâm chú trọng. Tỷ lệ trẻ khỏe mạnh hàng năm tăng, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm.



Trẻ có nhận thức tốt, có khả năng quan sát, ghi nhớ có chủ định, có sự phát triển về ngôn ngữ, có một số kỹ năng cơ bản ban đầu về đọc và viết, chủ động, tích cực tham gia các hoạt động do giáo viên tổ chức, có một số kỹ năng cơ bản về tạo hình, âm nhạc phù hợp với lứa tuổi. Trẻ ngoan ngoãn, lễ phép, gần gũi hợp tác chia sẻ với bạn trong lớp. Qua các hoạt động trẻ được bổ sung thêm kiến thức, giáo dục kỹ năng sống, tinh thần hợp tác, chia sẻ, giúp đỡ bạn bè...

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, nhà trường vẫn còn có một số hạn chế như: Một vài giáo viên còn hạn chế trong việc gọi mở, tạo cơ hội cho trẻ hứng thú tham gia hoạt động, một số cháu còn nhỏ, trẻ ở xa trung tâm nên còn nhút nhát khi tham gia các hoạt động tập thể, giao tiếp với người lạ...

Tuy nhiên, với quan điểm chỉ đạo: Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh là nhiệm vụ hàng đầu, nên ngay từ đầu mỗi năm học, nhà trường tiếp tục đổi mới công tác chỉ đạo. Đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, tiếp tục bồi dưỡng năng lực phẩm chất chính trị, chuyên môn cho giáo viên. Xây dựng môi trường giáo dục của nhà trường trở thành môi trường sư phạm thân thiện, tạo điều kiện tốt nhất cho học sinh học tập và vui chơi; rèn luyện thể chất, thực hiện tốt việc gắn kết ba môi trường giáo dục, từ đó nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường một cách thực chất và hiệu quả.

\* Số lượng các chỉ số đạt yêu cầu: 24/24.

\* Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: 8/8.

**+ Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 8**

**+ Số tiêu chí đạt: 8**

**+ Số tiêu chí không đạt: 0**

### **III. KẾT LUẬN CHUNG**

Qua hoạt động tự đánh giá chất lượng của nhà trường đã giúp cho đội ngũ CB-GV-NV hiểu rõ hơn nữa thực trạng quy mô về trường lớp, chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường. Nhà trường còn xác định được mục đích của nhà trường trong sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Mặt khác, qua hoạt động tự đánh giá, nhà trường đã xác định được mình đạt đến

mức nào về công tác quản lý, các điều kiện đảm bảo cho chất lượng giáo dục như: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giáo dục, đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên; việc thực hiện chương trình dạy- học; nguồn kinh phí của nhà trường... Nhà trường xác định rõ những thế mạnh để phát huy và những điểm hạn chế của nhà trường để tìm ra giải pháp khắc phục, từ đó nhà trường đề ra các chiến lược, kế hoạch phù hợp nhằm từng bước nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.

Đối chiếu với Điều 22 Thông tư số 25/2014/TT-BGDDT ngày 07 tháng 8 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non. Trường mầm non Phúc Sơn tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục Cấp độ 3.

- Số lượng và tỷ lệ các chỉ số đạt và không đạt:

Đạt: 85/87 chiếm 97.7%

Không đạt: 2/87 chiếm 2.3%

- Số lượng và tỷ lệ các tiêu chí đạt và không đạt:

Đạt: 28/29 chiếm 96.6%

Không đạt: 1/29 chiếm 3.4%

- Tự đánh giá: Cấp độ 3

- Cụ thể các nội dung không đạt:

+ Tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4, chỉ số a: Số lượng nhân viên theo quy định.

+ Tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4, chỉ số c: Nhân viên thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao và được bảo đảm chế độ, chính sách theo quy định.

Phúc Sơn, ngày 24 tháng 10 năm 2016



Nguyễn Thị Thúy



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TỈNH BẮC GIANG

### CÔNG NHẬN

TRƯỜNG MẦM NON PHÚC SƠN

Địa chỉ: Xã Phúc Sơn - Huyện Tân Yên - Tỉnh Bắc Giang

Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2

Giấy chứng nhận này có giá trị 5 năm, kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2017

*Bắc Giang, ngày 05 tháng 01 năm 2017*

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vào sổ đăng ký: 03/2017/GCN-CLGD

**Trần Tuấn Nam**